

Số: 35/BC-MBS-HĐQT  
No: 35/BC-MBS-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2026  
Ha Noi, July , 2026

**BÁO CÁO**  
**Tình hình quản trị công ty**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

**(6 tháng năm 2026)**  
**(6 months 2026)**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

To: - The State Securities Commission;  
- The Vietnam Stock Exchange;  
- Ho Chi Minh City Stock Exchange;  
- Hanoi Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB / MB Securities Joint Stock Company
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Khu vực 1 - Tầng 7 - 8 Tòa nhà MB, Số 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội / Zone 1 - 7th - 8th Floor, MB Building, No. 21 Cat Linh, O Cho Dua, Hanoi.
- Điện thoại/Telephone: +84 247304 5688 Fax: +84 24 37262601
- Vốn điều lệ/Charter capital: 10.009.634.510.000 đồng/VND
- Mã chứng khoán/Stock symbol: MBS
- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ The implementation of internal audit: Implemented.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông / Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders: Công ty CP Chứng khoán MB đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 26/03/2026. Trên cơ sở các báo cáo, tờ trình và quá trình thảo luận, ĐHĐCĐ đã thông qua các nội dung chính như sau/MB Securities Joint Stock Company successfully held the Annual General Meeting of Shareholders on March 26, 2026. Based on reports, proposals and discussions, the GMS approved the followings:

| ST<br>No. | Số Nghị<br>quyết/Quyết<br>định<br><i>Resolution/Dec<br/>ision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | 01/NQ-MBS-<br>ĐHĐCĐ                                                   | 26/03/2026          | <p>Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua:<br/><i>Annual General Meeting of Shareholders 2026 approves:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT năm 2025, phương hướng hoạt động năm 2026;<br/><i>Report on the Board of Directors' activities in 2025 and the direction of activities in 2026;</i></li> <li>- Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026;<br/><i>Report of the Board of Supervisors on the results of operations in 2025 and the plan of operations in 2026;</i></li> <li>- Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026;<br/><i>Business performance report 2025 and Business plan 2026;</i></li> <li>- Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025;<br/><i>Corporate governance report 2025;</i></li> <li>- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2026.<br/><i>Audited financial statements for 2025 and business plan for 2026;</i></li> <li>- Tờ trình Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận đến năm 2025, kế hoạch năm 2026.<br/><i>Report on approval of audited financial statements for 2025, profit distribution plan for 2025, and plan for 2026;</i></li> <li>- Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2026.<br/><i>Proposal for selection of auditing company in 2026;</i></li> <li>- Tờ trình Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2026.<br/><i>Report on Board of Directors and Supervisory Board Remuneration in 2026;</i></li> <li>- Tờ trình Thông qua việc Niêm yết các trái phiếu MBS chào bán ra công chúng.<br/><i>Proposal for Approval of Listing of MBS Bonds for Public Offering;</i></li> <li>- Tờ trình thông qua và ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB.<br/><i>Proposal for approval and promulgation of the amended and supplemented Charter of MB Securities Joint Stock Company.</i></li> <li>- Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán MB.<br/><i>Proposal for approval of amendments and supplements to the Regulations on Organization and Operation of the Board of Directors of MB Securities Joint Stock Company.</i></li> <li>- Tờ trình Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.<br/><i>Proposal for voting to approve contents at the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i></li> <li>- Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028<br/><i>The dismissal of a member of the Board of Directors and the result of the additional election for a new member of the Board of Directors of MB Securities Joint Stock Company for the term 2023 - 2028</i></li> </ul> |

**II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng năm 2026) / Board of Directors (6 months 2026 Report):****1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT)/Information about the members of the Board of Directors:**

| STT<br>No. | Thành viên HDQT/ Board<br>of Directors' members | Chức vụ/ Position (thành<br>viên HDQT độc lập,<br>TVHDQT không điều<br>hành/Independent members<br>of the Board of Directors,<br>Non-executive members of the<br>Board of Directors) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên<br>HDQT/ HDQT độc lập<br>The date becoming/ceasing to be the member<br>of the Board of Directors |                                      |
|------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|            |                                                 |                                                                                                                                                                                      | Ngày bổ nhiệm<br>Date of appointment                                                                                                  | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
| 1          | Ông/Mr. Phan Phương Anh                         | Chủ tịch HDQT<br>Chairman of the Board                                                                                                                                               | 26/03/2026                                                                                                                            |                                      |
| 2          | Ông/Mr. Lê Viết Hải                             | Chủ tịch HDQT<br>Chairman of the Board<br>(Đã miễn nhiệm)                                                                                                                            | 03/06/2020                                                                                                                            | 26/03/2026                           |
| 3          | Bà/Mrs. Nguyễn Minh Hằng                        | Thành viên HDQT<br>Board Member                                                                                                                                                      | 03/06/2020                                                                                                                            |                                      |
| 4          | Ông/Mr. Hoàng Hà                                | Thành viên HDQT,<br>Board Member,                                                                                                                                                    | 26/03/2026                                                                                                                            |                                      |
| 5          | Ông/Mr. Phạm Xuân Thanh                         | Thành viên HDQT<br>Board Member                                                                                                                                                      | 21/04/2023                                                                                                                            |                                      |
| 6          | Ông/Mr. Phạm Thế Anh                            | Thành viên HDQT độc lập<br>Independent Board Member                                                                                                                                  | 21/04/2023                                                                                                                            |                                      |

**2. Các cuộc họp HDQT/Meetings of the Board of Directors:**

| STT<br>No. | Thành viên HDQT/ Board of<br>Director' member | Số buổi họp HDQT<br>tham dự/<br>Number of meetings<br>attended by Board of<br>Directors | Tỷ lệ tham dự họp/<br>Attendance rate | Lý do không tham dự<br>họp/Reasons for absence                                                                                                   |
|------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông/Mr. Lê Viết Hải                           | 1/2                                                                                     | 50%                                   | Miễn nhiệm từ 26/3/2026<br>(không tham dự cuộc họp<br>HDQT Quý 2/2026) /<br>Dismissed from 26/0/2026<br>(did not attend Q2.2026<br>BODs meeting) |
| 2          | Ông/Mr. Phan Phương Anh                       | 2/2                                                                                     | 100%                                  |                                                                                                                                                  |
| 3          | Bà/Mrs. Nguyễn Minh Hằng                      | 2/2                                                                                     | 100%                                  |                                                                                                                                                  |
| 4          | Ông/Mr. Hoàng Hà                              | 1/2                                                                                     | 50%                                   | Bổ nhiệm từ 26/3 (không<br>tham dự cuộc họp HDQT<br>Quý 1/2026) /<br>Appointed from 26/03/2026<br>(did not attend Q1.2026<br>BODs meeting)       |
| 5          | Ông/Mr. Phạm Xuân Thanh                       | 2/2                                                                                     | 100%                                  |                                                                                                                                                  |
| 6          | Ông/Mr. Phạm Thế Anh                          | 2/2                                                                                     | 100%                                  |                                                                                                                                                  |

**3. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Ban Tổng Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:**

- Công tác giám sát tuân thủ các chỉ đạo của HĐQT trong 6 tháng năm 2026 tiếp tục được chú trọng thực hiện mạnh mẽ, quyết liệt, đảm bảo tất cả các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT, Chủ tịch HĐQT được giám sát thực hiện chặt chẽ, thường xuyên và rõ trách nhiệm.

*The work of supervising compliance with the Board of Directors' instructions in the first 6 months of 2026 continued to be focused on and implemented strongly and resolutely, ensuring that all Resolutions, Decisions and instructions of the Board of Directors and the Chairman of the Board of Directors were closely, regularly and responsibly monitored.*

- HĐQT đã tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 vào ngày 26/03/2026 đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

*The Board of Directors held the 2026 Annual General Meeting of Shareholders on March 26, 2026 in accordance with applicable law.*

- Tại các phiên họp định kỳ, HĐQT công ty đều tiến hành thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của quý và bản kế hoạch giai đoạn sau do Ban Tổng giám đốc trình bày. Các cuộc họp đều được thảo luận dân chủ, công khai và có trách nhiệm cao.

*At regular meetings, the Board of Directors of the company always approves the quarterly business performance report and discusses the next phase plan presented by the Board of Directors. All meetings are discussed democratically, openly and with high responsibility.*

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động kinh doanh theo định hướng chiến lược dài hạn của MBS, đồng thời nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro.

*The Board of Management has implemented business activities in accordance with MBS's long-term strategic orientation, while improving management, risk management and risk control.*

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự và đúng quy định của Điều lệ.

*The appointment and dismissal of the Company's management positions complied with the correct procedures and regulations of the Charter.*

- Công tác quản trị công ty của HĐQT được duy trì, củng cố và luôn đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và thực tiễn kinh doanh. Nhìn chung, hoạt động giám sát được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

*The Board of Directors' corporate governance work is maintained, strengthened and constantly innovated to meet work requirements and business practices. In general, monitoring activities are conducted strictly in accordance with the provisions of the Law and the Company's Charter.*

- Theo đánh giá của HĐQT, tất cả các thành viên Ban Tổng giám đốc đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình. Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý chủ chốt đã thực hiện hiệu quả và hợp lý các quyết định của HĐQT.

*According to the Board of Directors' assessment, all members of the Board of Directors have tried to fulfill their duties well. The Board of Directors and key management staff have effectively and reasonably implemented the decisions of the Board of Directors.*

#### 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors' subcommittees:

- Hiện tại, MBS có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị gồm: Ủy ban Nhân sự và lương thưởng, Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Đầu tư. Các tiểu ban hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của từng tiểu ban do HĐQT ban hành và hỗ trợ cho HĐQT trong các mảng hoạt động được phân công.

*Currently, MBS has subcommittees under the Board of Directors including: Human Resources and Remuneration Committee, Risk Management Committee, Investment Council. The subcommittees operate according to the Organization and Operation Regulations of each subcommittee issued by the Board of Directors and support the Board of Directors in assigned areas of activity.*

#### 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng năm 2026) / Resolutions/Decisions of the Board of Directors (6 months 2026 annual report):

| ST<br>T<br>No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br><i>Resolution/Decision<br/>No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                           | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br><i>Approval<br/>rate</i> |
|----------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1              | 01/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 19/1/2026           | Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026<br><i>Approval of the plan to hold the Annual General Meeting of Shareholders in 2026.</i>                                                                      | 100%                                              |
| 2              | 02/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 19/1/2026           | Tiếp tục phân phối số cổ phần ESOP còn lại chưa phân phối hết<br><i>Continue distributing the remaining unsold ESOP shares.</i>                                                                                                      | 100%                                              |
| 3              | 03/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 20/1/2026           | Khen thưởng HĐTT KT cấp HĐQT<br><i>Awards and commendations from the Board of Directors' Emulation and Commendation Council.</i>                                                                                                     | 100%                                              |
| 4              | 04/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 21/1/2026           | Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Bảo Việt<br><i>Establish credit limit with Bao Viet Commercial Bank.</i>                                                                                                               | 100%                                              |
| 5              | 05/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 21/1/2026           | Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng Industrial bank of Korea – Chi nhánh Hồ Chí Minh<br><i>Establish credit limit with Industrial Bank of Korea – Ho Chi Minh City Branch</i>                                                   | 100%                                              |
| 6              | 06/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 21/1/2026           | Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam<br><i>Establish credit limit with Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade.</i>                                                                 | 100%                                              |
| 7              | 07/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 26/1/2026           | Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty<br><i>Through the results of the stock issuance under the employee stock option program of the Company.</i>                         | 100%                                              |
| 8              | 08/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 29/1/2026           | Ban hành Chính sách Quản trị rủi ro năm 2026<br><i>Issuing the Risk Management Policy for 2026</i>                                                                                                                                   | 100%                                              |
| 9              | 09/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 4/2/2026            | Triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ<br><i>Implement a plan to offer additional shares to the public to increase charter capital.</i>                                                       | 100%                                              |
| 10             | 10/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 4/2/2026            | Thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ<br><i>Through the application for a public offering of additional shares to increase the charter capital.</i>                                    | 100%                                              |
| 11             | 11/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 24/2/2026           | Phê duyệt thông qua chủ trương thực hiện các Hợp đồng, giao dịch giữa MBS với các bên liên quan trong năm 2026<br><i>Approval of the policy for implementing contracts and transactions between MBS and related parties in 2026.</i> | 100%                                              |
| 12             | 12/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 13/3/2026           | Phát hành trái phiếu riêng lẻ MBS lần 1 năm 2026<br><i>MBS to issue private placement bonds (first tranche) in 2026</i>                                                                                                              | 100%                                              |
| 13             | 13/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 25/3/2026           | Chào bán chứng quyền có bảo đảm<br><i>Offering of secured warrants</i>                                                                                                                                                               | 100%                                              |
| 14             | 14/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 19/3/2026           | Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP An Bình<br><i>Establish credit limit with An Binh Commercial Joint Stock Bank.</i>                                                                                                     | 100%                                              |
| 15             | 15/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 5/3/2026            | Về việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ<br><i>Implementation of the plan to offer additional shares to the public to increase charter capital.</i>                                     | 100%                                              |
| 16             | 16/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 5/3/2026            | Về việc thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ<br><i>Approval of the registration dossier for the public offering of additional shares to increase the charter capital.</i>             | 100%                                              |

| ST<br>T<br>No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br><i>Resolution/Decision<br/>No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br><i>Appro<br/>val<br/>rate</i> |
|----------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 17             | 17/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 20/3/2026           | Chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu và triển khai chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng<br><i>Finalize the list of shareholders entitled to purchase shares and proceed with the public offering of additional shares.</i> | 100%                                                   |
| 18             | 18/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 26/3/2026           | Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028<br><i>Election of the Chairman of the Board of Directors for the term 2023 - 2028</i>                                                                                                 | 100%                                                   |
| 19             | 19/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 26/3/2026           | Thời giữ chức vụ Tổng Giám đốc<br><i>Dismissal the position of Official</i>                                                                                                                                                               | 100%                                                   |
| 20             | 20/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 26/3/2026           | Bổ nhiệm Tổng giám đốc<br><i>Appointment of Officials</i>                                                                                                                                                                                 | 100%                                                   |
| 21             | 21/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 26/3/2026           | Thay đổi Người phụ trách quản trị công ty<br><i>Change of the person in charge of corporate governance.</i>                                                                                                                               | 100%                                                   |
| 22             | 22/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 30/3/2026           | Thiết lập hạn mức tín dụng tại Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei<br><i>Establish credit limit at MB Shinsei Consumer Credit Finance Company Limited.</i>                                                               | 100%                                                   |
| 23             | 23/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 8/4/2026            | Ban hành Ma trận Phân cấp thẩm quyền Cấp HĐQT<br><i>Issuing the Board of Directors' Authority Hierarchy Matrix</i>                                                                                                                        | 100%                                                   |
| 24             | 24/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 3/4/2026            | Ban hành Điều lệ Công ty CP Chứng khoán MB<br><i>Issuance of the Charter of MB Securities Joint Stock Company</i>                                                                                                                         | 100%                                                   |
| 25             | 25/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 3/4/2026            | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị<br><i>Promulgating the Regulations on the Organization and Operation of the Board of Directors</i>                                                                            | 100%                                                   |
| 26             | 26/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 21/1/2026           | Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Tiên Phong<br><i>Establish credit limit with Tien Phong Commercial Bank.</i>                                                                                                                | 100%                                                   |
| 27             | 27/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 13/4/2026           | Thay đổi địa điểm Chi nhánh Hà Nội<br><i>Change of location for Hanoi Branch</i>                                                                                                                                                          | 100%                                                   |
| 28             | 28/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 8/4/2026            | Phân công công tác thành viên HĐQT CTCP Chứng khoán MB<br><i>Assignment of duties to members of the Board of Directors of MB Securities Joint Stock Company</i>                                                                           | 100%                                                   |
| 29             | 29/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 8/4/2026            | Thay đổi thành viên của Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng<br><i>Changes to the membership of the Human Resources and Compensation Committee.</i>                                                                                             | 100%                                                   |
| 30             | 30/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 8/4/2026            | Thay đổi thành viên của Ủy ban Quản lý rủi ro<br><i>Changes to the membership of the Risk Management Committee</i>                                                                                                                        | 100%                                                   |
| 31             | 31/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 8/4/2026            | Thay đổi thành viên của Hội đồng đầu tư<br><i>Changes to the Investment Council membership</i>                                                                                                                                            | 100%                                                   |
| 32             | 34/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 8/4/2026            | Thay đổi thành viên của Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp HĐQT<br><i>Changes to the membership of the Board of Directors' Emulation and Commendation Council.</i>                                                                          | 100%                                                   |
| 33             | 35/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 16/4/2026           | Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam<br><i>Establish a credit limit with the Vietnam Investment and Development Bank (BIDV).</i>                                                                   | 100%                                                   |
| 34             | 36/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 16/4/2026           | Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam<br><i>Establish a credit limit with Vietnam International Commercial Bank.</i>                                                                                             | 100%                                                   |

| ST<br>T<br>No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br><i>Resolution/Decision<br/>No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                          | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br><i>Appro<br/>val<br/>rate</i> |
|----------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 35             | 37/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 16/4/2026           | Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam<br><i>Establish a credit limit with Vietnam Maritime Commercial Bank.</i>                                                                                                                                           | 100%                                                   |
| 36             | 38/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 16/4/2026           | Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam<br><i>Establish a credit limit with Loc Phat Vietnam Commercial Bank.</i>                                                                                                                                           | 100%                                                   |
| 37             | 39/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 16/4/2026           | Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Á Châu<br><i>Establish a credit limit with Asia Commercial Bank (ACB).</i>                                                                                                                                                            | 100%                                                   |
| 38             | 40/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 24/4/2026           | Ban hành Chính sách đầu tư MBS<br><i>Issuing MBS Investment Policy</i>                                                                                                                                                                                                              | 80%                                                    |
| 39             | 47/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 28/5/2026           | Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga<br><i>Establish a credit limit with the Vietnam-Russia Joint Venture Bank.</i>                                                                                                                                       | 80%                                                    |
| 40             | 48/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 13/5/2026           | Phân phối số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sau khi cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm năm 2026<br><i>Distribution of remaining unsold shares after existing shareholders exercise their right to subscribe to additional shares issued in 2026.</i> | 100%                                                   |
| 41             | 49/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 20/5/2026           | Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ<br><i>Issuing internal expenditure regulations.</i>                                                                                                                                                                                                | 100%                                                   |
| 42             | 50/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 21/5/2026           | Thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2026<br><i>Through the results of the additional public offering of shares in 2026.</i>                                                                                                                                  | 100%                                                   |
| 43             | 55/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 12/6/2026           | Mua lại trước hạn Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán MB phát hành của Người sở hữu trái phiếu - Công ty TNHH DAHASA<br><i>Redemption before maturity of Bonds issued by MB Securities Joint Stock Company owned by bondholder DAHASA Company Limited</i>                     | 100%                                                   |
| 44             | 56/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 1/6/2026            | Ban hành Mô hình tổ chức MBS<br><i>Issuing the MBS Organizational Model</i>                                                                                                                                                                                                         | 100%                                                   |
| 45             | 57/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 23/6/2026           | Ban hành Nội quy lao động<br><i>Issuing Labor Regulations</i>                                                                                                                                                                                                                       | 100%                                                   |
| 46             | 60/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 23/6/2026           | Ban hành Quy tắc đạo đức nghề nghiệp<br><i>Issuing Code of Professional Ethics</i>                                                                                                                                                                                                  | 100%                                                   |
| 47             | 63/NQ-MBS-HĐQT                                                     | 30/6/2026           | Thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền năm 2025<br><i>Cash dividends pay out in 2025.</i>                                                                                                                                                                                               | 100%                                                   |

### III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng năm 2026)/Board of Supervisors (6 months 2026 report):

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ Information about members of Board of Supervisors:

| STT<br>No. | Thành viên BKS<br><i>Members of Board of<br/>Supervisors</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>                            | Ngày bắt đầu/không còn là<br>thành viên BKS<br><i>The date becoming/ceasing to be<br/>the member of the Board of<br/>Supervisors</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i> |
|------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1          | Bà/Mrs. Phạm Thị Hoa                                         | Trưởng BKS<br><i>Head of Board of<br/>Supervisors</i> | Bầu làm Trưởng BKS từ<br>10/04/2021<br><i>Elected as Head of Board of</i>                                                            | Thạc sỹ<br><i>Master</i>                    |

|   |                      |                                                     |                                                                                                          |                            |
|---|----------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
|   |                      |                                                     | <i>Supervisors from April 10, 2021</i>                                                                   |                            |
| 2 | Bà/Mrs. Vũ Thị Hương | <b>TV BKS</b><br><i>Board of Supervisors Member</i> | <b>Bầu làm TV BKS từ 27/04/2017</b><br><i>Elected as Board of Supervisors member from April 27, 2017</i> | Đại học<br><i>Bachelor</i> |
| 3 | Bà/Mrs. Lê Thu Trang | <b>TV BKS</b><br><i>Board of Supervisors Member</i> | <b>Bầu làm TV BKS từ 21/04/2023</b><br><i>Elected as Board of Supervisors member from April 21, 2023</i> | Thạc sỹ<br><i>Master</i>   |

## 2. Cuộc họp của BKS/Meetings of Board of Supervisors

| STT<br><i>No.</i> | Thành viên BKS<br><i>Members of Board of Supervisors</i> | Số buổi họp<br>tham dự<br><i>Number of meetings attended</i> | Tỷ lệ tham dự<br>họp<br><i>Attendance rate</i> | Tỷ lệ biểu<br>quyết<br><i>Voting rate</i> | Lý do không tham dự<br>họp<br><i>Reasons for absence</i>                                                                                                                                |
|-------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                 | Bà/Mrs. Phạm Thị Hoa                                     | 3/3                                                          | 100%                                           | 100%                                      |                                                                                                                                                                                         |
| 2                 | Bà/Mrs. Vũ Thị Hương                                     | 3/3                                                          | 100%                                           | 100%                                      |                                                                                                                                                                                         |
| 3                 | Bà/Mrs. Lê Thu Trang                                     | 2/3                                                          | 66.67%                                         | 100%                                      | Nghỉ thai sản từ 27/4/2026 (không tham dự cuộc họp BKS tháng 6.2026) /<br><i>On maternity leave from 27/04/2026 (did not attend the meeting of the Supervisory Board in June 2026).</i> |

## 3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông/Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:

- Trong 6 tháng năm 2026, Công tác giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban TGD và Cổ đông tiếp tục thực hiện mạnh mẽ và quyết liệt, đúng quy định, cụ thể: Thực hiện các nhiệm vụ giám sát theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, gồm: Giám sát thực thi chiến lược; giám sát tài chính, hoạt động quản lý rủi ro; giám sát hoạt động đầu tư mua bán tài sản và thuê ngoài; giám sát hoạt động môi giới tư vấn IB, đầu tư Trái phiếu, nguồn vốn, giám sát hoạt động xử lý thu hồi nợ xấu; giám sát hoạt động giao dịch với các bên liên quan; giám sát triển khai hoạt động kinh doanh và tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.  
*In 6 months 2026, the Board of Supervisors' supervision of the Board of Directors, the Board of Management and Shareholders will continue to be carried out strongly and resolutely, in accordance with regulations, specifically: Carrying out supervision tasks in accordance with the provisions of the Law, the Charter, and the Resolution of the General Meeting of Shareholders, including: Supervising the implementation of strategies; supervising finance, risk management activities; supervising investment activities in buying and selling assets and outsourcing; supervising IB consulting brokerage activities, bond investment, capital sources, supervising bad debt recovery activities; supervising transactions with related parties; supervising the implementation of business activities and compliance with the Resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.*
- Xây dựng cơ chế báo cáo giám sát đối với HĐQT/Tổng giám đốc định kỳ theo tháng/quý. Kịp thời kiến nghị HĐQT/Tổng giám đốc tuân thủ các chỉ tiêu an toàn tài chính và giới hạn đầu tư theo quy định của Pháp luật; khuyến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực quản trị, điều hành và hiệu quả hoạt động kinh doanh.

*Develop a monitoring reporting mechanism for the Board of Directors/General Director on a monthly/quarterly basis. Timely recommend the Board of Directors/General Director to comply with financial safety indicators and investment limits as prescribed by law; recommend solutions to improve management and operational capacity and business performance.*

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT/Các Ủy ban trực thuộc HĐQT; cho ý kiến đối với các tờ trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh của công ty.

*Fully participate in meetings of the Board of Directors/Committees under the Board of Directors; give opinions on reports under the approval authority of the Board of Directors in an independent role, providing objective opinions to contribute to minimizing risks in the company's business operations.*

- Phối hợp tốt với tuyến bảo vệ thứ 2 trong mô hình 3 tuyến bảo vệ, thực hiện chia sẻ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro và quản trị tài chính.

*Coordinate well with the second line of defense in the three-line defense model, share information to improve the effectiveness of control, internal audit, risk management and financial management.*

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2025; Quyết toán báo cáo tài chính năm 2025 theo đúng quy định của Pháp luật và quy định nội bộ.

*Auditing 2025 financial statements; Finalizing 2025 financial statements in accordance with the provisions of the Law and internal regulations.*

- Chỉ đạo tổ chức triển khai các chương trình kiểm toán nội bộ trong 6 tháng năm 2026 gồm: thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2025, quyết toán Báo cáo tài chính năm 2025; kiểm toán hoạt động nghiên cứu, hoạt động quản lý truy cập CNTT và các chương trình rà soát khác theo đề xuất của HĐQT/BKS... Đào tạo nâng cao năng lực nguồn nhân sự kiểm toán nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu về kiểm toán theo quy định của Pháp luật và thông lệ quốc tế.

*Direct the implementation of internal audit programs in 6 months 2026, including: appraisal of the 2025 Financial Report, finalization of the 2025 Financial Report; audits of research operations and IT access management and other review programs as proposed by the Board of Directors/Board of Supervisors... Training to improve the capacity of internal audit human resources to meet auditing requirements according to the provisions of the Law and international practices.*

- Tham gia đóng góp ý kiến đối với các tờ trình/Phương án hoạt động kinh doanh trình cấp HĐQT đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và hạn chế rủi ro.

*Participate in contributing opinions to reports/business plans submitted to the Board of Directors to ensure compliance with legal regulations and minimize risks.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*The coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

Trong 6 tháng năm 2026, cơ chế phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc được cụ thể hóa trong quy chế Quản trị công ty/quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và được thực hiện tốt, cụ thể:

*In 6 months 2026, the coordination mechanism between the Board of Directors, the Board of Supervisors and the General Director Board will be specified in the Corporate Governance Regulations/Organization and Operation Regulations of the Board of Supervisors and will be well implemented, specifically:*

- HĐQT, Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

*The Board of Directors and General Director have created favorable conditions for the Board of Supervisors to operate in accordance with its functions and duties.*

- BKS phối hợp với HĐQT chỉ đạo Kiểm toán nội bộ thực hiện các chương trình kiểm toán, giám sát các hoạt động.

*The Board of Supervisors coordinates with the Board of Directors to direct the Internal Audit to implement audit programs and monitor activities.*

- Định kỳ hàng quý, BKS làm việc với Tổng Giám đốc hoặc thành viên Ban Tổng giám đốc được ủy quyền về: kết quả giám sát, kiểm toán; công tác khắc phục, chỉnh sửa đề xuất của Ban kiểm soát/Kiểm toán nội bộ.  
*Quarterly, the Board of Supervisors works with the General Director or authorized member of the Board of Directors on: monitoring and auditing results; corrective work and revisions proposed by the Board of Supervisors/Internal Audit.*
- Định kỳ hàng quý làm việc trực tiếp với các đơn vị tuyến bảo vệ thứ 2 (QTRR/KSTT) nhằm chia sẻ thông tin, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát.  
*Quarterly work directly with second line of defense units (Risk Management/Compliance Control) to share information and improve control effectiveness.*
- Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng nhận báo cáo trực tiếp từ các đơn vị, cá nhân liên quan và các báo cáo đột xuất khi phát sinh, thực hiện giám sát và đưa ra các khuyến nghị kịp thời với HĐQT/TGĐ.  
*Receive direct reports from relevant units and individuals on a monthly, quarterly and 6-monthly basis, and ad hoc reports when they arise, monitor and make timely recommendations to the Board of Directors/General Director.*
- Định kỳ BKS được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, các Ủy ban và giao ban Công ty; Các ý kiến, kiến nghị của BKS được HĐQT, TGĐ ghi nhận, bổ sung và chỉnh sửa hoàn thiện kịp thời, góp phần đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.  
*The Board of Supervisors is periodically invited to attend meetings of the Board of Directors, Committees and Company meetings; The opinions and recommendations of the Board of Supervisors are recorded, supplemented and promptly edited and completed by the Board of Directors and General Director, contributing to ensuring safety in business operations.*

5. Hoạt động khác của BKS /Other activities of the Board of Supervisors: **Không có / None**

#### IV. Ban điều hành/Board of Management

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Management | Ngày tháng năm sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management                                      |
|------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông/Mr. Phan Phương Anh                                 |                                      | Thạc sỹ<br>Master                    | Bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ 08/06/2022, miễn nhiệm từ ngày 26/03/2026<br><i>Appointed to General Director from June 8, 2022, dismissed from March 26, 2026.</i> |
| 2          | Ông/Mr. Hoàng Hà                                        |                                      | Thạc sỹ<br>Master                    | Bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ 26/03/2026<br><i>Appointed to General Director from March 26, 2026</i>                                                              |
| 3          | Bà/Ms. Phùng Thị Thanh Hà                               |                                      | Thạc sỹ<br>Master                    | Giao nhiệm vụ Phó TGĐ từ 05/07/2013<br><i>Assigned to Deputy General Director from July 5, 2013</i>                                                           |
| 4          | Ông/Mr. Lê Thành Nam                                    |                                      | Thạc sỹ<br>Master                    | Giao nhiệm vụ Phó TGĐ từ 08/04/2015<br><i>Assigned to Deputy General Director position from April 8, 2015</i>                                                 |
| 5          | Bà/Mrs. Phạm Thị Kim Ngân                               |                                      | Thạc sỹ<br>Master                    | Bổ nhiệm Phó TGĐ từ 01/10/2025<br><i>Appointed to Deputy General Director from October 01, 2025</i>                                                           |
| 6          | Ông/Mr. Lê Văn Tuấn                                     |                                      | Thạc sỹ<br>Master                    | Giao nhiệm vụ TV BĐH từ 02/01/2019<br><i>Assigned to the Member of Board of Management from January 2, 2019</i>                                               |

## V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

| Họ và tên<br>Name      | Ngày tháng năm sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn<br>nghề nghiệp<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm<br>Date of appointment/ dismissal                              |
|------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ông/Mr. Nguyễn Văn Học |                                      | Thạc sỹ<br>Master                                   | Giao nhiệm vụ KTT từ 10/10/2017<br>Assigned to Chief Accountant from<br>October 10, 2017 |

## VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, General Director, other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance: Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác đã tham gia khóa đào tạo "Quản trị Công ty" do Ủy Ban Chứng khoán tổ chức / Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the Board of Management, and other management staff participated in the "Corporate Governance" training course organized by the State Securities Commission.

## VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (6 months 2026 report) and transactions of affiliated persons of the Company)

### 1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company:

**Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm/Details in Appendix I attached hereto.**

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:

**Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm/Details in Appendix II attached hereto.**

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: **Không có / None**

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/Transactions between the Company and other objects

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): **Không có / None**

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): **Không có / None**

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: **Không có / None**

## VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng năm 2026)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (6 months 2026 report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty:*

**Chi tiết tại Phụ lục III đính kèm/Details in Appendix III attached hereto**

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company:*

**Chi tiết tại Phụ lục IV đính kèm/Details in Appendix IV attached hereto**

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues:** Không có / *None* 

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như kính gửi/*As to;*
- Lưu/*Archived:* VP Công ty/  
*Corporate office*

 **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**



**PHAN PHƯƠNG ANH**

**PHỤ LỤC I – DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY**  
**APPENDIX I - THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY**

| STT<br>No.                                                         | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any)                          | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br>No. *, date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons                                                                                                                                                                            | Mối quan hệ liên quan với công ty<br>Relationship with the Company                     |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A. Người nội bộ của Công ty/Internal persons of the Company</b> |                                                        |                                                                        |                                                                                           |                                                                             |                                                  |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                                                                                                                             |                                                                                        |
| 1                                                                  | Phan Phương Anh                                        |                                                                        | Chủ tịch HĐQT,<br>Người đại diện theo pháp luật<br>Chairman of BODs, Legal Representative |                                                                             |                                                  | 26/04/2022                                                                          |                                                                                     | Bầu làm TV HĐQT từ 26/04/2022. Bầu làm Chủ tịch HĐQT từ 26/03/2026<br>Elected as member of BODs from 26/04/2022. Elected as Chairman of BODs from 26 March 2026.                            | Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật<br>Chairman of BODs, Legal Representative |
| 2                                                                  | Lê Viết Hải                                            |                                                                        | Chủ tịch HĐQT<br>Chairman of BODs                                                         |                                                                             |                                                  | 03/06/2020                                                                          | 26/03/2026                                                                          | Bầu làm CT. HĐQT từ ngày 03/06/2020, Miễn nhiệm CT. HĐQT từ ngày 26/03/2026, Dismissal of the Chairman of the Board from March 26, 2026, Elected as Chairman of the Board from June 3, 2020 | Chủ tịch HĐQT<br>Chairman of BODs                                                      |
| 3                                                                  | Nguyễn Minh Hằng                                       |                                                                        | Thành viên HĐQT<br>Member of BODs                                                         |                                                                             |                                                  | 03/06/2020                                                                          |                                                                                     | Bầu làm TV HĐQT từ 03/06/2020<br>Elected as Member of BODs from June 3, 2020                                                                                                                | Thành viên HĐQT<br>Member of BODs                                                      |
| 4                                                                  | Hoàng Hà                                               |                                                                        | Thành viên HĐQT kiêm Tổng                                                                 |                                                                             |                                                  | 26/03/2026                                                                          |                                                                                     | Bầu làm TV HĐQT và Bổ nhiệm TGD,                                                                                                                                                            | Thành viên HĐQT kiêm Tổng                                                              |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any)                                                         | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br>No. *, date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons                                                                                                                                                          | Mối quan hệ liên quan với công ty<br>Relationship with the Company                                                            |
|------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                        |                                                                        | Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty<br>Member of BODs, General Director, Person in charge of corporate governance |                                                                             |                                                  |                                                                                     |                                                                                     | Người phụ trách quản trị công ty từ 26/03/2026.<br>Elected as Member of BODs and Appointed General Director, Person in charge of corporate governance from March 26, 2026 | Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty<br>Member of the Board, General Director, Person in charge of corporate governance |
| 5          | Phạm Xuân Thanh                                        |                                                                        | Thành viên HĐQT<br>Member of BODs                                                                                        |                                                                             |                                                  | 21/04/2023                                                                          |                                                                                     | Bầu làm TV HĐQT từ 21/04/2023<br>Elected as Member of BODs from April 21, 2023                                                                                            | Thành viên HĐQT<br>Member of BODs                                                                                             |
| 6          | Phạm Thế Anh                                           |                                                                        | Thành viên HĐQT độc lập<br>Independent Member of BODs                                                                    |                                                                             |                                                  | 21/04/2023                                                                          |                                                                                     | Bầu làm TV HĐQT độc lập từ 21/04/2023<br>Elected as independent Member of BODs from April 21, 2023                                                                        | Thành viên HĐQT độc lập<br>Independent Member of BODs                                                                         |
| 7          | Phạm Thị Hoa                                           |                                                                        | Trưởng Ban kiểm soát<br>Head of Board of Supervisors                                                                     |                                                                             |                                                  | 10/04/2021                                                                          |                                                                                     | Bầu làm TV BKS từ 10/04/2021<br>Elected as Head of Board of Supervisors from April 10, 2021                                                                               | Trưởng Ban kiểm soát<br>Head of Board of Supervisors                                                                          |
| 8          | Vũ Thị Hương                                           |                                                                        | Thành viên BKS<br>Board of Supervisors Member                                                                            |                                                                             |                                                  | 27/04/2017                                                                          |                                                                                     | Bầu làm TV BKS từ 27/04/2017<br>Elected as Board of Supervisors member from April 27, 2017                                                                                | Thành viên BKS<br>Board of Supervisors Member                                                                                 |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any)                                                               | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br>No. *, date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons                                                                                                     | Mối quan hệ liên quan với công ty<br>Relationship with the Company                                                             |
|------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9          | Lê Thu Trung                                           |                                                                        | Thành viên BKS<br>Board of Supervisors Member                                                                                  |                                                                             |                                                  | 21/04/2023                                                                          |                                                                                     | Bầu làm TV BKS từ 21/04/2023<br>Elected as Board of Supervisors member from April 21, 2023                           | Thành viên BKS<br>Board of Supervisors Member                                                                                  |
| 10         | Phùng Thị Thanh Hà                                     |                                                                        | Phó Tổng Giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin<br>Deputy General Director, authorized person to disclose information |                                                                             |                                                  | 05/07/2013                                                                          |                                                                                     | Giao nhiệm vụ Phó TGD từ 05/07/2013<br>Assigned to the position of Deputy General Director from July 5, 2013         | Phó Tổng Giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin<br>Deputy General Director, authorized person to disclose information |
| 11         | Lê Thành Nam                                           |                                                                        | Phó Tổng Giám đốc<br>Deputy General Director                                                                                   |                                                                             |                                                  | 08/04/2015                                                                          |                                                                                     | Giao nhiệm vụ Phó TGD từ 08/04/2015<br>Assigned to the position of Deputy General Director from April 8, 2015        | Phó Tổng Giám đốc<br>Deputy General Director                                                                                   |
| 12         | Phạm Thị Kim Ngân                                      |                                                                        | Phó Tổng Giám đốc<br>Deputy General Director                                                                                   |                                                                             |                                                  | 01/10/2025                                                                          |                                                                                     | Bổ nhiệm Phó TGD từ 01/10/2025<br>Appointed Deputy General Director from October 01, 2025                            | Phó Tổng Giám đốc<br>Deputy General Director                                                                                   |
| 13         | Lê Văn Tuấn                                            |                                                                        | Thành viên Ban điều hành<br>Board of Management Member                                                                         |                                                                             |                                                  | 02/01/2019                                                                          |                                                                                     | Giao nhiệm vụ TV BDH từ 02/01/2019<br>Assigned to the position of Member of Board of Management from January 2, 2019 | Thành viên Ban điều hành<br>Board of Management Member                                                                         |

| STT<br>No.                            | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual                     | Tài khoản giao dịch chứng khoán<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any)   | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br>No. *, date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons                                                                                                 | Mối quan hệ liên quan với công ty<br>Relationship with the Company |
|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 14                                    | Nguyễn Văn Học                                                             |                                                                        | Kế toán trưởng<br>Chief Accountant                                 |                                                                         |                                                  | 10/10/2017                                                                          |                                                                                     | Giao nhiệm vụ Kế toán trưởng từ 10/10/2017<br>Assigned to the position of Chief Accountant from October 10, 2017 | Kế toán trưởng<br>Chief Accountant                                 |
| 15                                    | Trần Thị Thanh Huyền                                                       |                                                                        | Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ<br>Head of Internal Audit Department |                                                                         |                                                  | 17/04/2017                                                                          |                                                                                     |                                                                                                                  | Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ<br>Head of Internal Audit Department |
| 16                                    | Đỗ Thị Thủy Nga                                                            |                                                                        | Chuyên viên Kiểm toán nội bộ<br>Internal Auditor                   |                                                                         |                                                  | 27/08/2018                                                                          |                                                                                     |                                                                                                                  | Chuyên viên Kiểm toán nội bộ<br>Internal Auditor                   |
| 17                                    | Mai Thị Sen                                                                |                                                                        | Chuyên viên cao cấp Kiểm toán nội bộ<br>Senior Internal Auditor    |                                                                         |                                                  | 02/01/2019                                                                          |                                                                                     |                                                                                                                  | Chuyên viên cao cấp Kiểm toán nội bộ<br>Senior Internal Auditor    |
| 18                                    | Vũ Thị Thanh Huyền                                                         |                                                                        | Chuyên viên Kiểm toán nội bộ<br>Internal Auditor                   |                                                                         |                                                  | 27/07/2021                                                                          |                                                                                     |                                                                                                                  | Chuyên viên Kiểm toán nội bộ<br>Internal Auditor                   |
| <b>B. Công ty mẹ / Parent company</b> |                                                                            |                                                                        |                                                                    |                                                                         |                                                  |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                                                  |                                                                    |
| 1                                     | Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)/<br>Military Commercial Joint Stock Bank (MB) |                                                                        |                                                                    |                                                                         |                                                  | 11/05/2000                                                                          |                                                                                     |                                                                                                                  | Công ty mẹ<br>Parent company                                       |

| STT<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br>No. *, date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty<br>Relationship with the Company                                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>C. Người quản lý, người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ, cá nhân là người được ủy quyền đại diện vốn của Công ty mẹ tại doanh nghiệp khác / Executives and legal representatives of the parent company and individuals authorized to act as the parent company's representatives of its contributed capital in other enterprises.</b> |                                                        |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  |                                                                                     |                                                                                     |                  |                                                                                                             |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Lưu Trung Thái                                         |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 15/06/2024                                                                          |                                                                                     |                  | CT, HDQT, Người đại diện theo PL công ty mẹ<br>Chairman of BODs, legal representative of the parent company |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Vũ Thị Hải Phượng                                      |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 15/06/2024                                                                          |                                                                                     |                  | Phó Chủ tịch HDQT của công ty mẹ<br>Vice Chairperson of BODs of the parent company                          |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Nguyễn Thị Hải Lý                                      |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 15/06/2024                                                                          |                                                                                     |                  | Phó Chủ tịch HDQT của công ty mẹ<br>Vice Chairperson of BODs of the parent company                          |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Vũ Thành Trung                                         |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 15/06/2024                                                                          |                                                                                     |                  | Phó Chủ tịch HDQT của công ty mẹ<br>Vice Chairperson of BODs of the parent company                          |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Phạm Như Anh                                           |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 12/04/2023                                                                          |                                                                                     |                  | TV HDQT, Tổng giám đốc của công ty mẹ                                                                       |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br>No. *, date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty<br>Relationship with the Company                 |
|------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                        |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  |                                                                                     |                                                                                     |                  | Member of BODs, CEO of the parent company                                          |
| 6          | Lê Viết Hải                                            |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 27/04/2019                                                                          |                                                                                     |                  | TV HĐQT của công ty mẹ<br>Member of BODs of the parent company                     |
| 7          | Hoàng Thị Thu Hiền                                     |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 15/06/2024                                                                          |                                                                                     |                  | TV HĐQT của công ty mẹ<br>Member of BODs of the parent company                     |
| 8          | Vũ Xuân Nam                                            |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 15/06/2024                                                                          |                                                                                     |                  | TV HĐQT của công ty mẹ<br>Member of BODs of the parent company                     |
| 9          | Hoàng Văn Sâm                                          |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 15/06/2024                                                                          |                                                                                     |                  | TV HĐQT độc lập của công ty mẹ<br>Independent member of BODs of the parent company |
| 10         | Nguyễn Minh Châu                                       |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 23/11/2009                                                                          |                                                                                     |                  | Phó Tổng giám đốc của công ty mẹ<br>Deputy General Director of the parent company  |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br>No. *, date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty<br>Relationship with the Company                |
|------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| 11         | Phạm Thị Trung Hà                                      |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 27/04/2011                                                                          |                                                                                     |                  | Phó Tổng giám đốc của công ty mẹ<br>Deputy General Director of the parent company |
| 12         | Trần Minh Đạt                                          |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 01/11/2014                                                                          |                                                                                     |                  | Phó Tổng giám đốc của công ty mẹ<br>Deputy General Director of the parent company |
| 13         | Lê Quốc Minh                                           |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 26/11/2015                                                                          |                                                                                     |                  | Phó Tổng giám đốc của công ty mẹ<br>Deputy General Director of the parent company |
| 14         | Hà Trọng Khiêm                                         |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 26/11/2015                                                                          |                                                                                     |                  | Phó Tổng giám đốc của công ty mẹ<br>Deputy General Director of the parent company |
| 15         | Nguyễn Xuân Học                                        |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 01/07/2024                                                                          |                                                                                     |                  | Phó Tổng giám đốc của công ty mẹ<br>Deputy General Director of the parent company |
| 16         | Trần Thị Bảo Quế                                       |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 01/07/2024                                                                          |                                                                                     |                  | Thành viên Ban điều hành của công ty mẹ                                           |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br>No. *, date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty<br>Relationship with the Company                             |
|------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                        |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  |                                                                                     |                                                                                     |                  | Member of Board of Management of the parent company                                            |
| 17         | Vũ Hồng Phú                                            |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 01/07/2024                                                                          |                                                                                     |                  | Thành viên Ban điều hành của công ty mẹ<br>Member of Board of Management of the parent company |
| 18         | Nguyễn Thị Ngọc                                        |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 01/07/2024                                                                          |                                                                                     |                  | Thành viên Ban điều hành của công ty mẹ<br>Member of Board of Management of the parent company |
| 19         | Nguyễn Thị Thủy                                        |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 01/07/2024                                                                          |                                                                                     |                  | Thành viên Ban điều hành của công ty mẹ<br>Member of Board of Management of the parent company |
| 20         | Nguyễn Thị Thanh Nga                                   |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 10/04/2019                                                                          |                                                                                     |                  | Giám đốc tài chính của công ty mẹ<br>Chief Financial Officer of the parent company             |
| 21         | Lê Văn Anh                                             |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 08/04/2022                                                                          |                                                                                     |                  | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại                                                                |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i>                                                         |
|------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                               |                                                                               |                                                                         |                                                                                    |                                                         |                                                                                            |                                                                                            |                         | Doanh nghiệp khác<br><i>Parent company's authorized capital representative at another company</i>                                 |
| 22         | Trần Thị Bảo Quế                                              |                                                                               |                                                                         |                                                                                    |                                                         | 15/11/2012                                                                                 |                                                                                            |                         | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br><i>Parent company's authorized capital representative at another company</i> |
| 23         | Lê Quốc Minh                                                  |                                                                               |                                                                         |                                                                                    |                                                         | 25/06/2024                                                                                 |                                                                                            |                         | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br><i>Parent company's authorized capital representative at another company</i> |
| 24         | Phạm Thị Trung Hà                                             |                                                                               |                                                                         |                                                                                    |                                                         | 31/03/2025                                                                                 |                                                                                            |                         | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br><i>Parent company's authorized capital representative at another company</i> |
| 25         | Phạm Đình Tuấn                                                |                                                                               |                                                                         |                                                                                    |                                                         | 10/03/2026                                                                                 |                                                                                            |                         | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác                                                                                 |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i>                                                         |
|------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                               |                                                                               |                                                                         |                                                                                    |                                                         |                                                                                            |                                                                                            |                         | <i>Parent company's authorized capital representative at another company</i>                                                      |
| 26         | Hoàng Thu Thủy                                                |                                                                               |                                                                         |                                                                                    |                                                         | 02/07/2024                                                                                 |                                                                                            |                         | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br><i>Parent company's authorized capital representative at another company</i> |
| 27         | Chu Hồng Kiên                                                 |                                                                               |                                                                         |                                                                                    |                                                         | 17/05/2022                                                                                 |                                                                                            |                         | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br><i>Parent company's authorized capital representative at another company</i> |
| 28         | Trần Minh Đạt                                                 |                                                                               |                                                                         |                                                                                    |                                                         | 31/03/2025                                                                                 |                                                                                            |                         | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br><i>Parent company's authorized capital representative at another company</i> |
| 29         | Đinh Như Tuyền                                                |                                                                               |                                                                         |                                                                                    |                                                         | 04/01/2021                                                                                 |                                                                                            |                         | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br><i>Parent company's authorized capital representative at another company</i> |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br>No. *, date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty<br>Relationship with the Company                                                         |
|------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                        |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  |                                                                                     |                                                                                     |                  | representative at another company                                                                                          |
| 30         | Vũ Thị Hải Phượng                                      |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 09/01/2020                                                                          |                                                                                     |                  | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br>Parent company's authorized capital representative at another company |
| 31         | Đinh Quang Huy                                         |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 16/06/2025                                                                          |                                                                                     |                  | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br>Parent company's authorized capital representative at another company |
| 32         | Lê Viết Hải                                            |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 06/02/2026                                                                          |                                                                                     |                  | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br>Parent company's authorized capital representative at another company |
| 33         | Vũ Hồng Phú                                            |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 06/02/2026                                                                          |                                                                                     |                  | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br>Parent company's authorized capital representative at another company |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br>No. *, date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty<br>Relationship with the Company                                                         |
|------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 35         | Trần Hải Hà                                            |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 10/06/2025                                                                          |                                                                                     |                  | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br>Parent company's authorized capital representative at another company |
| 36         | Nguyễn Anh Khánh                                       |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 02/01/2023                                                                          |                                                                                     |                  | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br>Parent company's authorized capital representative at another company |
| 37         | Vũ Thành Trung                                         |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 10/12/2024                                                                          |                                                                                     |                  | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br>Parent company's authorized capital representative at another company |
| 38         | Lê Xuân Vũ                                             |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 10/12/2024                                                                          |                                                                                     |                  | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br>Parent company's authorized capital representative at another company |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br>No. *, date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty<br>Relationship with the Company                                                         |
|------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 39         | Hà Trọng Khiêm                                         |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 10/12/2024                                                                          |                                                                                     |                  | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br>Parent company's authorized capital representative at another company |
| 40         | Lưu Hoài Sơn                                           |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 10/12/2024                                                                          |                                                                                     |                  | Đại diện vốn của Công ty mẹ tại Doanh nghiệp khác<br>Parent company's authorized capital representative at another company |

**D. Các công ty cùng là công ty con của Công ty mẹ/ Companies that are fellow subsidiaries of the parent company**

|   |                                                                                                                                                                     |  |  |  |  |      |  |  |                                                                                               |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|------|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội<br>Military Commercial Joint Stock Bank Debt Management and Asset Exploitation Company Limited |  |  |  |  | 2002 |  |  | Công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội<br>Subsidiary of Military Commercial Joint Stock Bank |
| 2 | Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas<br>MB Ageas Life Insurance Company Limited                                                                                  |  |  |  |  | 2016 |  |  | Công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội<br>Subsidiary of Military                             |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual                                                     | Tài khoản giao dịch chứng khoán<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br>No. *, date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty<br>Relationship with the Company                            |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                                            |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  |                                                                                     |                                                                                     |                  | Commercial Joint Stock Bank                                                                   |
| 3          | Tổng CTCP Bảo hiểm Quân đội (MIC)<br>Military Insurance Corporation (MIC)                                  |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 2007                                                                                |                                                                                     |                  | Công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội<br>Subsidiary of Military Commercial Joint Stock Bank |
| 4          | Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB<br>MB Investment Fund Management Joint Stock Company                 |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 2006                                                                                |                                                                                     |                  | Công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội<br>Subsidiary of Military Commercial Joint Stock Bank |
| 5          | Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn MB Shinsei (MCredit)<br>MB Shinsei Finance Company Limited (MCredit) |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 2016                                                                                |                                                                                     |                  | Công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội<br>Subsidiary of Military Commercial Joint Stock Bank |
| 6          | Ngân hàng đại chúng TNHH MB Campuchia<br>MB Cambodia                                                       |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 2022                                                                                |                                                                                     |                  | Công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội<br>Subsidiary of Military Commercial Joint Stock Bank |
| 7          | Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (MBV)                                                                 |                                                                        |                                                                  |                                                                             |                                                  | 17/10/2024                                                                          |                                                                                     |                  | Công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội                                                       |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|            | Vietnam Modern Commercial Joint Stock Bank (MBV)              |                                                                               |                                                                         |                                                                                    |                                                         |                                                                                            |                                                                                            |                         | Subsidiary of Military Commercial Joint Stock Bank                        |

**PHỤ LỤC II – GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN,  
NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

**APENDIX II – TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS  
MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS**

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/<br>individual            | Mối quan hệ liên quan<br>với công ty<br>Relationship with the<br>Company | Số Giấy NSH*, ngày<br>cấp, nơi cấp NSH<br>No. * date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br>Time of<br>transactions<br>with the<br>Company | Số Nghị quyết/Quyết định của<br>ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu<br>có, nêu rõ ngày ban hành)<br>Resolution No. or Decision No.<br>approved by General Meeting of<br>Shareholders/ Board of Directors<br>(if any, specifying date of issue) | Nội dung, số lượng, tổng khối<br>lượng giao dịch<br>Content, quantity, total value of<br>transaction                                                                                                                                                                                                                            | Ghi<br>chú<br>Note |
|------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1          | Ngân hàng TMCP Quân<br>đội<br>Military Commercial<br>Joint Stock Bank | Công ty mẹ<br>Parent company                                             |                                                                                  |                                                     | 01/01/2026<br>đến/to<br>30/06/2026                                                      | Nghị quyết số<br>59/2021/MBS/HĐQT-NQ ngày<br>10/6/2021<br>Resolution No.<br>59/2021/MBS/HĐQT-NQ dated<br>June 10, 2021                                                                                                               | Hội đồng Quản trị chấp thuận<br>thông qua Hợp đồng cung cấp sản<br>phẩm/dịch vụ và hợp tác tập đoàn<br>giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội<br>(MB) với MBS.<br>The Board of Directors approved<br>the Contract for product/service<br>provision and group cooperation<br>between Military Commercial<br>Joint Stock Bank (MB) and MBS. |                    |

|   |                                                                        |                                     |  |  |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
|---|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--|--|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 2 | Ngân hàng TMCP Quân đội<br><i>Military Commercial Joint Stock Bank</i> | Công ty mẹ<br><i>Parent company</i> |  |  | 01/01/2026<br>đến/tới<br>30/06/2026 | <p>- Nghị quyết số 70/2021/MBS/HDQT-NQ ngày 19/7/2021<br/><i>Resolution No. 70/2021/MBS/HDQT-NQ dated July 19, 2021</i></p> <p>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/NQ-MBS-DHDCĐ ngày 26/03/20256<br/><i>Resolution of the General Shareholder Meeting 2026 No. 01/NQ-MBS-DHDCĐ dated March 26, 2026</i></p> | <p>HDQT phê duyệt, chấp thuận các hợp đồng và giao dịch mua, bán Chứng Chỉ Tiền Gửi do Ngân hàng TMCP Quân Đội phát hành, phương thức thực hiện giao dịch sơ cấp và thứ cấp.</p> <p>- Giao dịch sơ cấp: thực hiện 67 giao dịch mua tổng giá trị ~46,877 tỷ đồng</p> <p>- Giao dịch thứ cấp: thực hiện giao dịch với người có liên quan, tổng giá trị ~49,455 tỷ đồng.</p> <p><i>The Board of Directors approves contracts and transactions for the purchase and sale of Deposit Certificates issued by the Military Commercial Joint Stock Bank, and methods for performing primary and secondary transactions.</i></p> <p>- Primary transactions: 67 purchase transactions with total value of ~46,877 billion VND</p> <p>- Secondary transaction: transaction with related parties, total value ~49,455 billion VND.</p> |  |
| 3 | Ngân hàng TMCP Quân đội<br><i>Military Commercial Joint Stock Bank</i> | Công ty mẹ<br><i>Parent company</i> |  |  | 01/01/2026<br>đến/tới<br>30/06/2026 | <p>Nghị quyết số 90/2021/MBS/HDQT-NQ ngày 10/9/2021<br/><i>Resolution No. 90/2021/MBS/HDQT-NQ dated September 10, 2021</i></p>                                                                                                                                                                                                       | <p>HDQT phê duyệt việc thực hiện giao dịch ngoại tệ, các sản phẩm phái sinh tỷ giá, lãi suất, kỳ các Hợp đồng giao dịch với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB).</p> <p><i>The Board of Directors approved the implementation of foreign currency transactions, exchange rate and interest rate derivative products, and signed transaction contracts with the Military Commercial Joint Stock Bank (MB).</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 4 | Ngân hàng TMCP Quân đội<br><i>Military Commercial Joint Stock Bank</i> | Công ty mẹ<br><i>Parent company</i> |  |  | 01/01/2026<br>đến/tới<br>30/06/2026 | <p>Nghị quyết số 89/NQ-MBS-HDQT ngày 08/12/2023<br/><i>Resolution No. 89/NQ-MBS-HDQT dated December 8, 2023</i></p>                                                                                                                                                                                                                  | <p>Hội đồng quản trị đồng ý với đề xuất của Ban Điều hành tại Tờ trình số 85/MBS/TTr-BĐH ngày 05/12/2023 về việc "Triển khai Thỏa thuận hợp tác hỗ trợ phát</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |

|   |                                                                                                               |                                                                                                                                     |  |  |                                     |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                                               |                                                                                                                                     |  |  |                                     |                                                                                                                                     | <p>triển và xử lý thông tin khách hàng tập đoàn" (Thỏa thuận hợp tác).</p> <p><i>The Board of Directors agrees with the proposal of the Executive Board in Submission No. 85/MBS/TT- BDH dated December 5, 2023 on "Implementation of the Cooperation Agreement to support the development and processing of group customer information" (Cooperation Agreement).</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 5 | <p>Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)</p> <p><i>MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)</i></p> | <p>Cũng là công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội</p> <p><i>Both are subsidiaries of Military Commercial Joint Stock Bank.</i></p> |  |  | <p>01/01/2026 đến/to 30/06/2026</p> | <p>Nghị quyết số 134/2021/MBS/HDQT-NQ ngày 13/12/2021</p> <p><i>Resolution No. 134/2021/MBS/HDQT-NQ dated December 13, 2021</i></p> | <p>HDQT phê duyệt việc ký kết các Hợp đồng sau giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán MB với Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng Đại lý đăng ký lưu ký và thanh toán.</li> <li>- Hợp đồng mở Tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán.</li> </ul> <p><i>The Board of Directors approved the signing of the following Contracts between MB Securities Joint Stock Company and MB Shinsei Finance Company Limited:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Contract of Registration and Payment Agent.</i></li> <li>- <i>Contract for opening Account and registering to use securities trading services.</i></li> </ul> |  |

|   |                                                                                                               |                                                                                                                                     |  |  |                                     |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 6 | <p>Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)</p> <p><i>MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)</i></p> | <p>Cùng là công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội</p> <p><i>Both are subsidiaries of Military Commercial Joint Stock Bank.</i></p> |  |  | <p>30/03/2026 đến/so 30/06/2026</p> | <p>Nghị quyết số 22/NQ-MBS-HDQT ký ngày 30/03/2026</p> <p><i>Resolution No. 49/NQ-MBS-HDQT signed on June 21, 2024</i></p>    | <p>HDQT đồng ý thiết lập hạn mức tín dụng tại Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei (Mcredit).</p> <p>- Dư nợ vay là 200 tỷ đồng, đáo hạn ngày 07/07/2026</p> <p><i>The Board of Directors approved the establishment of a credit limit at MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit).</i></p> <p>- The outstanding loan balance is VND 200 billion, due on June 07, 2025.</p> |  |
| 7 | <p>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB</p> <p><i>MB Investment Fund Management Joint Stock Company</i></p>  | <p>Cùng là công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội</p> <p><i>Both are subsidiaries of Military Commercial Joint Stock Bank.</i></p> |  |  | <p>01/01/2026 đến/so 30/06/2026</p> | <p>Nghị quyết số 72/2022/MBS/HDQT-NQ ngày 22/06/2022</p> <p><i>Resolution No. 72/2022/MBS/HDQT-NQ dated June 22, 2022</i></p> | <p>HDQT chấp thuận thông qua Hợp đồng ủy quyền xác định nhà đầu tư chuyên nghiệp giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán MB với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB</p> <p><i>The Board of Directors approved the Authorization Contract to identify professional investors between MB Securities Joint Stock Company and MB Investment Fund Management Joint Stock Company.</i></p>                 |  |

|   |                                                                                                              |                                                                                                                                     |  |  |                                     |                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 8 | <p>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB</p> <p><i>MB Investment Fund Management Joint Stock Company</i></p> | <p>Cũng là công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội</p> <p><i>Both are subsidiaries of Military Commercial Joint Stock Bank.</i></p> |  |  | <p>01/01/2026 đến/to 30/06/2026</p> | <p>Nghị quyết số 94/2022/MBS/HĐQT-NQ ngày 02/12/2022</p> <p><i>Resolution No. 94/2022/MBS/HĐQT-NQ dated December 2, 2022</i></p> | <p>HDQT chấp thuận thông qua Phương án đầu tư Chứng chỉ quỹ MBBond do Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư MB (MBCapital):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng CCQ MBBond đầu kỳ (31/12/2025): 2.650.000 CCQ</li> <li>- Số lượng CCQ MBBond cuối kỳ (30/06/2026): 2.650.000 CCQ</li> <li>- Số lượng CCQ giao dịch trong kỳ: 0</li> </ul> <p><i>Board of Directors Approval of the MBBond Fund Certificate Investment Plan by MB Capital Management Joint Stock Company:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Number of MBBond fund units at the beginning of the period (as of December 31, 2025): 2,650,000 units.</li> <li>- Number of MBBond fund units at the end of the period (as of June 30, 2026): 2,650,000 units</li> <li>- Number of fund units traded during the period: 0</li> </ul> |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|   |                                                                                                                  |                                                                                                                                     |  |  |                                     |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 9 | <p>Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (MBV)</p> <p><i>Vietnam Modern Commercial Joint Stock Bank (MBV)</i></p> | <p>Cùng là công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội</p> <p><i>Both are subsidiaries of Military Commercial Joint Stock Bank.</i></p> |  |  | <p>01/01/2026 đến/to 30/06/2026</p> | <p>Nghị quyết số 77/NQ-MBS-HDQT ký ngày 04/11/2024</p> <p><i>Resolution No. 77/NQ-MBS-HDQT signed on November 4, 2024</i></p> | <p>Phê duyệt, thông qua chủ trương thực hiện các Hợp đồng, giao dịch: cung cấp sản phẩm, dịch vụ, mua bán tài sản, hợp tác và các loại hợp đồng, giao dịch liên quan khác giữa MBS với OceanBank (tên cũ của MBV).</p> <p>- Giao dịch mua bán GTCG thứ cấp tổng là ~9,637 tỷ đồng.</p> <p><i>Approve the implementation of contracts and transactions: providing products and services, buying and selling assets, cooperation and other related contracts and transactions between MBS and OceanBank (former name of MBV).</i></p> <p><i>- The total value of transactions involving the buying and selling of secondary securities was approximately VND 9,637 billion.</i></p> |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*; số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

**PHỤ LỤC III - DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB**  
**APPENDIX III - THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS OF THE MB SECURITIES JSC.,**

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name  | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any)                                 | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                                          |
|------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                 |                                                                                    |                                                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                                                          |
| 2          | Phan Phương Anh |                                                                                    | Chủ tịch HĐQT,<br>Người đại diện<br>theo pháp luật<br>Chairman of the<br>BODs, Legal<br>Representative |                                                                                                   |                           |                           |                            | 792.441                                                                                   | 0,08%                                                                                                   | Bầu làm Chủ tịch HĐQT<br>từ ngày 26/03/2026<br>Elected as Chairman of the<br>BODs from March 26,<br>2026 |
| 2.1        | Phan Duy Sơn    |                                                                                    |                                                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố đẻ ông Phan Phương<br>Anh<br>Father of Mr. Phan<br>Phuong Anh                                         |
| 2.2        | Trần Thị Phương |                                                                                    |                                                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ đẻ ông Phan Phương<br>Anh<br>Mother of Mr. Phan<br>Phuong Anh                                         |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name     | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                  |
|------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
|            |                    |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                  |
| 2.3        | Cao Thị Quỳnh Liên |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Vợ ông Phan Phương Anh<br>Mr. Phan Phuong Anh's<br>wife          |
| 2.4        | Phan Anh Đức       |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con trai ông Phan Phương<br>Anh<br>Son of Mr. Phan Phuong<br>Anh |
| 2.5        | Phan Anh Đức       |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con trai ông Phan Phương<br>Anh<br>Son of Mr. Phan Phuong<br>Anh |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                                                                                                                 |
|------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                                                                                                                                 |
| 2.6        | Cao Xuân Tư    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố vợ ông Phan Phương<br>Anh<br>father in law of Mr. Phan<br>Phuong Anh                                                                                                         |
| 3          | Lê Viết Hải    |                                                                                    | Chủ tịch HĐQT<br>Chairman of the<br>Board                              |                                                                                                   |                           |                           |                            | 2.507.125                                                                                 | 0,25%                                                                                                   | Không còn là Người nội<br>bộ từ ngày 26/03/2026 (do<br>miễn nhiệm TV.HĐQT)<br>No longer being Internal<br>person from March 26,<br>2026 (due to dismissal of<br>member of BODs) |
| 3.1        | Lê Công Són    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố đẻ ông Lê Viết Hải<br>Father of Mr. Le Viet Hai                                                                                                                              |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name  | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                               |
|------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
|            |                 |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                               |
| 3.2        | Nguyễn Thị Ngọc |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ đẻ ông Lê Viết Hải<br>Le Viet Mother of Mr. Le<br>Viet Hai |
| 3.3        | Vũ Hoàng Yến    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Vợ ông Lê Viết Hải<br>Mr. Le Viet Hai's wife                  |
| 3.4        | Lê Nhật Minh    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con trai ông Lê Viết Hải<br>Son of Mr. Le Viet Hai            |
| 3.5        | Lê Công Duy     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con trai ông Lê Viết Hải<br>Son of Mr. Le Viet Hai            |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name   | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                  |
|------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|            |                  |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                                  |
| 3.6        | Lê Thị Hải Yến   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em gái ông Lê Viết Hải<br>Mr. Le Viet Hai's sister                               |
| 3.7        | Trần Văn Đức     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em rể ông Lê Viết Hải<br>Mr. Le Viet Hai's brother-<br>in-law                    |
| 3.8        | Vũ Đình Trới     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố vợ ông Lê Viết Hải<br>Father-in-law of Mr. Le<br>Viet Hai                     |
| 3.9        | Hoàng Lan Hương  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ vợ ông Lê Viết Hải<br>Mother-in-law of Mr. Le<br>Viet Hai                     |
| 4          | Nguyễn Minh Hằng |                                                                                    | TV HĐQT<br>Board Member                                                |                                                                                                   |                           |                           |                            | 1.181.971                                                                                 | 0,12%                                                                                                   | Bầu làm TV HĐQT từ<br>03/06/2020<br>Elected as Board Member<br>from June 3, 2020 |
| 4.1        | Nguyễn Văn Lâm   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố đẻ bà Nguyễn Minh<br>Hằng<br>Father of Mrs. Nguyen<br>Minh Hang               |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name  | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                        |
|------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
|            |                 |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                        |
| 4.2        | Phan Thị Ty     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ đẻ bà Nguyễn Minh Hằng<br>Mother of Mrs. Nguyen Minh Hang           |
| 4.3        | Đặng Chí Trung  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chồng bà Nguyễn Minh Hằng<br>Husband of Mrs. Nguyen Minh Hang          |
| 4.4        | Đặng Minh Châu  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con bà Nguyễn Minh Hằng<br>Mrs. Nguyen Minh Hang's daughter            |
| 4.5        | Đặng Chí Hiếu   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con bà Nguyễn Minh Hằng<br>Mrs. Nguyen Minh Hang's son                 |
| 4.6        | Nguyễn Thu Thủy |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em gái bà Nguyễn Minh Hằng<br>Sister of Mrs. Nguyen Minh Hang          |
| 4.7        | Lê Nam          |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            | 123                                                                                       | 0,00%                                                                                                   | Em rể bà Nguyễn Minh Hằng<br>Brother-in-law of Mrs. Nguyen Minh Hang   |
| 4.8        | Đặng Quế Vinh   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố chồng bà Nguyễn Minh Hằng<br>Father-in-law of Mrs. Nguyen Minh Hang |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name       | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any)                                                                                       | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                                                                                                                                                               |
|------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                      |                                                                                    |                                                                                                                                                              | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                               |
| 4.9        | Lê Thị Hòa           |                                                                                    |                                                                                                                                                              |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ chồng bà Nguyễn Minh Hằng<br>Mother-in-law of Mrs.<br>Nguyen Minh Hang                                                                                                                                                     |
| 5          | Hoàng Hà             |                                                                                    | TV HĐQT,<br>Tổng Giám đốc,<br>Người phụ trách<br>quản trị công ty<br>Board Member,<br>General<br>Director, Person<br>in charge of<br>corporate<br>governance |                                                                                                   |                           |                           |                            | 144.000                                                                                   | 0,01%                                                                                                   | Bầu làm TV HĐQT và Bổ<br>nhiệm TGD, Người phụ<br>trách quản trị công ty từ<br>26/03/2026.<br>Elected as Board Member<br>and Appointed General<br>Director, Person in charge<br>of corporate governance<br>from March 26, 2026 |
| 5.1        | Nguyễn Thị Hồng Ngân |                                                                                    |                                                                                                                                                              |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Vợ ông Hoàng Hà<br>Wife of Mr. Hoang Ha                                                                                                                                                                                       |
| 5.2        | Hoàng Tuấn Minh      |                                                                                    |                                                                                                                                                              |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con ông Hoàng Hà<br>Son of Mr. Hoang Ha                                                                                                                                                                                       |
| 5.3        | Hoàng Minh Phúc      |                                                                                    |                                                                                                                                                              |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con ông Hoàng Hà<br>Son of Mr. Hoang Ha                                                                                                                                                                                       |
| 5.4        | Hoàng Văn Nguyên     |                                                                                    |                                                                                                                                                              |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố đẻ ông Hoàng Hà<br>Father of Mr. Hoang Ha                                                                                                                                                                                  |
| 5.5        | Vũ Thị Hải Yến       |                                                                                    |                                                                                                                                                              |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ đẻ ông Hoàng Hà<br>Mother of Mr. Hoang Ha                                                                                                                                                                                  |
| 5.6        | Chu Thị Mão          |                                                                                    |                                                                                                                                                              |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ vợ ông Hoàng Hà                                                                                                                                                                                                            |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name       | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                         |
|------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                      |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                                         |
|            |                      |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mother-in-law of Mr.<br>Hoang Ha                                                        |
| 5.7        | Hoàng Yến Phương     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em gái ruột ông Hoàng Hà<br>Sister of Mr. Hoang Ha                                      |
| 5.8        | Lê Minh Cường        |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em rể ông Hoàng Hà<br>Brother-in-law of Mr.<br>Hoang Ha                                 |
| 6          | Phạm Xuân Thanh      |                                                                                    | TV HĐQT<br>Board Member                                                |                                                                                                   |                           |                           |                            | 300.150                                                                                   | 0,03%                                                                                                   | Bầu làm TV HĐQT từ<br>ngày 21/04/2023<br>Elected as Board Member<br>from April 21, 2023 |
| 6.1        | Phạm Văn Hoàn        |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố đẻ ông Phạm Xuân<br>Thanh<br>Father of Mr. Pham Xuan<br>Thanh                        |
| 6.2        | Phạm Thị Bích        |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ đẻ ông Phạm Xuân<br>Thanh<br>Mr. Pham Xuan Thanh's<br>Mother                         |
| 6.3        | Trần Thị Hương Giang |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Vợ ông Phạm Xuân Thanh<br>Mr. Pham Xuan Thanh's<br>wife                                 |
| 6.4        | Phạm Bảo Chi         |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con ông Phạm Xuân Thanh<br>Daughter of Mr. Pham<br>Xuan Thanh                           |
| 6.5        | Phạm Anh Tú          |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con ông Phạm Xuân Thanh                                                                 |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name       | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                          |
|------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
|            |                      |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                          |
|            |                      |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Son of Mr. Pham Xuan<br>Thanh                                            |
| 6.6        | Phạm Xuân Sơn        |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh trai ông Phạm Xuân<br>Thanh<br>Mr. Pham Xuan Thanh's<br>brother      |
| 6.7        | Nguyễn Thủy Hằng     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị dâu ông Phạm Xuân<br>Thanh<br>Mr. Pham Xuan Thanh's<br>sister-in-law |
| 6.8        | Phạm Thanh Lâm       |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh trai ông Phạm Xuân<br>Thanh<br>Mr. Pham Xuan Thanh's<br>brother      |
| 6.9        | Đàm Mai Hương        |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị dâu ông Phạm Xuân<br>Thanh<br>Mr. Pham Xuan Thanh's<br>sister-in-law |
| 6.10       | Đinh Thị Phương Thảo |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ vợ ông Phạm Xuân<br>Thanh<br>Mr. Pham Xuan Thanh's<br>mother-in-law   |
| 6.11       | Trần Ngọc Hiếu       |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố vợ ông Phạm Xuân<br>Thanh<br>Father-in-law of Mr. Pham<br>Xuan Thanh  |
| 7          | Phạm Thế Anh         |                                                                                    | Thành viên<br>HDQT độc lập                                             |                                                                                                   |                           |                           |                            | 163.650                                                                                   | 0,02%                                                                                                   | Bầu làm TV HĐQT từ<br>ngày 21/04/2023                                    |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                           |
|------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|            |                |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                           |
|            |                |                                                                                    | <i>Independent<br/>Board Member</i>                                    |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | <i>Elected as Board Member<br/>from April 21, 2023</i>                    |
| 7.1        | Phạm Văn Được  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố ông Phạm Thế Anh<br><i>Father of Mr. Pham The Anh</i>                  |
| 7.2        | Nguyễn Thị Mỹ  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ ông Phạm Thế Anh<br><i>Mr. Pham The Anh's<br/>Mother</i>               |
| 7.3        | Phạm Anh Tuấn  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em ruột ông Phạm Thế Anh<br><i>Mr. Pham The Anh's<br/>younger brother</i> |
| 7.4        | Phạm Thị Hằng  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị ruột ông Phạm Thế Anh<br><i>Mr. Pham The Anh's sister</i>             |
| 7.5        | Đặng Minh Hiệp |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh rể ông Phạm Thế Anh<br><i>Mr. Pham The Anh's<br/>brother-in-law</i>   |
| 7.6        | Phạm Lan Anh   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con ông Phạm Thế Anh<br><i>Daughter of Mr. Pham The Anh</i>               |
| 7.7        | Phạm Bình Minh |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con ông Phạm Thế Anh<br><i>Son of Mr. Pham The Anh</i>                    |
| 7.8        | Phạm Minh Anh  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con ông Phạm Thế Anh<br><i>Daughter of Mr. Pham The Anh</i>               |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name   | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                                     |
|------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                  |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                                                     |
| 8          | Phạm Thị Hoa     |                                                                                    | Trưởng BKS<br>Head of Board of<br>Supervisors                          |                                                                                                   |                           |                           |                            | 172.956                                                                                   | 0,02%                                                                                                   | Bầu làm TV BKS từ<br>10/04/2021<br>Elected as Board of<br>Supervisors member from<br>April 10, 2021 |
| 8.1        | Nguyễn Thị Tia   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ đẻ bà Phạm Thị Hoa<br>Mother of Mrs. Phạm Thị<br>Hoa                                             |
| 8.2        | Phạm Quốc Thảo   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em trai bà Phạm Thị Hoa<br>Mrs. Phạm Thị Hoa's<br>younger brother                                   |
| 8.3        | Phạm Thị Hương   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em gái bà Phạm Thị Hoa<br>Sister of Mrs. Phạm Thị<br>Hoa                                            |
| 8.4        | Phạm Đình Tiểu   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em trai bà Phạm Thị Hoa<br>Mrs. Phạm Thị Hoa's<br>younger brother                                   |
| 8.5        | Phan Xuân Ngân   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chồng bà Phạm Thị Hoa<br>Husband of Mrs. Phạm Thị<br>Hoa                                            |
| 8.6        | Phan Xuân Tùng   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con trai bà Phạm Thị Hoa<br>Son of Mrs. Phạm Thị Hoa                                                |
| 8.7        | Phan Hương Trà   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con gái bà Phạm Thị Hoa<br>Daughter of Mrs. Phạm Thị<br>Hoa                                         |
| 8.8        | Lê Thị Thanh Tâm |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em dâu bà Phạm Thị Hoa                                                                              |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name       | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                                     |
|------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                      |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                                                     |
|            |                      |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Sister-in-law of Mrs. Pham Thi Hoa                                                                  |
| 8.9        | Hoàng Thị Thanh Thủy |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            | 2                                                                                         | 0,00%                                                                                                   | Em dâu bà Phạm Thị Hoa<br>Sister-in-law of Mrs. Pham Thi Hoa                                        |
| 8.10       | Phạm Văn Phúc        |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em rể bà Phạm Thị Hoa<br>Mrs. Pham Thi Hoa's<br>brother-in-law                                      |
| 9          | Vũ Thị Hương         |                                                                                    | Thành viên BKS<br>Board of<br>Supervisors<br>member                    |                                                                                                   |                           |                           |                            | 232.789                                                                                   | 0,02%                                                                                                   | Bầu làm TV BKS từ<br>27/04/2017<br>Elected as Board of<br>Supervisors member from<br>April 27, 2017 |
| 9.1        | Vũ Đức Bằng          |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố đẻ Bà Vũ Thị Hương<br>Father of Mrs. Vu Thi<br>Huong                                             |
| 9.2        | Phan Thị Soan        |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ đẻ Bà Vũ Thị Hương<br>Mother Mrs. Vu Thi Huong                                                   |
| 9.3        | Phạm Văn Duy         |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chồng Bà Vũ Thị Hương<br>Husband of Mrs. Vu Thi<br>Huong                                            |
| 9.4        | Phan Vũ Minh Phương  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con gái Bà Vũ Thị Hương<br>Daughter of Mrs. Vu Thi<br>Huong                                         |
| 9.5        | Phan Vũ Minh Anh     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con gái Bà Vũ Thị Hương<br>Daughter of Mrs. Vu Thi<br>Huong                                         |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name   | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                      |
|------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|            |                  |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                      |
| 9.6        | Vũ Thị Thanh Hải |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị gái Bà Vũ Thị Hương<br>Sister of Mrs. Vu Thi<br>Huong            |
| 9.7        | Vũ Thị Hồng      |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị gái Bà Vũ Thị Hương<br>Sister of Mrs. Vu Thi<br>Huong            |
| 9.8        | Vũ Đức Huy       |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em trai Bà Vũ Thị Hương<br>Younger brother of Mrs. Vu<br>Thi Huong   |
| 9.9        | Phạm Văn Toại    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh rể Bà Vũ Thị Hương<br>Brother-in-law Mrs. Vu Thi<br>Huong        |
| 9.10       | Nguyễn Văn Đạt   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh rể Bà Vũ Thị Hương<br>Brother-in-law Mrs. Vu Thi<br>Huong        |
| 9.11       | Phan Văn Bon     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố chồng bà Vũ Thị<br>Huong<br>Father-in-law of Mrs. Vu<br>Thi Huong |
| 9.12       | Trần Thị Vui     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ chồng bà Vũ Thị<br>Huong<br>Mother-in-law Mrs. Vu Thi<br>Huong    |
| 10         | Lê Thu Trang     |                                                                                    | Thành viên BKS<br>Board of<br>Supervisors<br>member                    |                                                                                                   |                           |                           |                            | 147.150                                                                                   | 0,01%                                                                                                   | Bầu làm TV BKS từ<br>21/04/2023                                      |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name       | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                  |
|------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
|            |                      |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                  |
|            |                      |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Elected as Board of<br>Supervisors member from<br>April 21, 2023 |
| 10.1       | Nguyễn Ngọc Thành    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chồng bà Lê Thu Trang<br>Mrs. Le Thu Trang's<br>husband          |
| 10.2       | Nguyễn Lê Ngọc Linh  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con bà Lê Thu Trang<br>Mrs. Le Thu Trang's<br>daughter           |
| 10.3       | Nguyễn Ngọc Linh Chi |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con bà Lê Thu Trang<br>Mrs. Le Thu Trang's<br>daughter           |
| 10.4       | Lê Như Ngọc          |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố bà Lê Thu Trang<br>Le Thu Trang's father                      |
| 10.5       | Nguyễn Thị Oanh      |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ bà Lê Thu Trang<br>Le Thu Trang's mother                      |
| 10.6       | Lê Hải Yến           |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị ruột bà Lê Thu Trang<br>Sister of Mrs. Le Thu Trang          |
| 10.7       | Mai Như Thảo         |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh rể bà Lê Thu Trang<br>Brother-in-law of Mrs. Le<br>Thu Trang |
| 10.8       | Trần Thủy Triều      |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ chồng bà Lê Thu Trang<br>Mother-in-law Mrs. Le Thu<br>Trang   |
| 11         | Phùng Thị Thanh Hà   |                                                                                    | Phó Tổng Giám<br>đốc, Người được                                       |                                                                                                   |                           |                           |                            | 316.818                                                                                   | 0,03%                                                                                                   | Giao nhiệm vụ PTGD từ<br>05/07/2013                              |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name     | Tài khoản giao<br>địch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                            |
|------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|            |                    |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                            |
|            |                    |                                                                                    | Ủy quyền công<br>bố thông tin                                          |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Assigned the role of<br>Deputy General Director<br>from July 5, 2013       |
| 11.1       | Phùng Xuân Trường  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố đẻ Bà Phùng Thị Thanh<br>Hà<br>Father of Mrs. Phung Thi<br>Thanh Ha     |
| 11.2       | Trần Thị Lý        |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ đẻ Bà Phùng Thị Thanh<br>Hà<br>Mother Mrs. Phung Thi<br>Thanh Ha        |
| 11.3       | Nguyễn Đình Long   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con trai Bà Phùng Thị<br>Thanh Hà<br>Son of Mrs. Phung Thi<br>Thanh Ha     |
| 11.4       | Nguyễn Đình Tùng   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con trai Bà Phùng Thị<br>Thanh Hà<br>Son of Mrs. Phung Thi<br>Thanh Ha     |
| 11.5       | Nguyễn Hà Linh Đan |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con gái Bà Phùng Thị<br>Thanh Hà<br>Daughter of Mrs. Phung<br>Thi Thanh Ha |
| 11.6       | Phùng Thanh Sơn    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh trai Bà Phùng Thị<br>Thanh Hà<br>Brother of Mrs. Phung Thi<br>Thanh Ha |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name        | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                                                  |
|------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                       |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                                                                  |
| 11.7       | Trần Thị Hương        |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị dâu Bà Phùng Thị<br>Thanh Hà<br>Sister-in-law Mrs. Phung<br>Thi Thanh Ha                                     |
| 11.8       | Phùng Thị Thanh Giang |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em gái Bà Phùng Thị<br>Thanh Hà<br>Sister of Mrs. Phung Thi<br>Thanh Ha                                          |
| 12         | Lê Thành Nam          |                                                                                    | Phó Tổng Giám<br>đốc<br>Deputy General<br>Director                     |                                                                                                   |                           |                           |                            | 631.981                                                                                   | 0,06%                                                                                                   | Giao nhiệm vụ Phó Tổng<br>Giám đốc từ 08/04/2015<br>Assigned to Deputy<br>General Director from<br>April 8, 2015 |
| 12.1       | Lê Thành Hưng         |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố đẻ Ông Lê Thành Nam<br>Father of Mr. Le Thanh<br>Nam                                                          |
| 12.2       | Nguyễn Thị Nhung      |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ đẻ Ông Lê Thành Nam<br>Mother of Mr. Le Thanh<br>Nam                                                          |
| 12.3       | Nguyễn Thị Thủy Dương |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Vợ Ông Lê Thành Nam<br>Mr. Le Thanh Nam's wife                                                                   |
| 12.4       | Lê Nguyễn Bình Minh   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con trai Ông Lê Thành<br>Nam<br>Son of Mr. Le Thanh Nam                                                          |
| 12.5       | Lê Nguyễn Anh Quân    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con trai Ông Lê Thành<br>Nam<br>Son of Mr. Le Thanh Nam                                                          |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name    | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                |
|------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
|            |                   |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                |
| 12.6       | Lê Thành Trung    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em trai Ông Lê Thành Nam<br>Mr. Le Thanh Nam's younger brother |
| 12.7       | Mùng Thị Hương    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em dâu Ông Lê Thành Nam<br>Mr. Le Thanh Nam's sister-in-law    |
| 12.8       | Lê Hạnh           |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em trai Ông Lê Thành Nam<br>Mr. Le Thanh Nam's younger brother |
| 13.9       | Trần Thị Anh      |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em dâu Ông Lê Thành Nam<br>Mr. Le Thanh Nam's sister-in-law    |
| 13.10      | Lê Trung Dũng     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em trai Ông Lê Thành Nam<br>Mr. Le Thanh Nam's younger brother |
| 13.11      | Phạm Thị Hương    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em dâu Ông Lê Thành Nam<br>Mr. Le Thanh Nam's sister-in-law    |
| 13.12      | Nguyễn Đình Thắng |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố vợ ông Lê Thành Nam<br>Father-in-law of Mr. Le Thanh Nam    |
| 13.13      | Vũ Thị Thân       |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ vợ ông Lê Thành Nam                                         |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name                                                                                               | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                                                                                             |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                                              |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                                                                                                             |
|            |                                                                                                              |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mother-in-law of Mr. Le<br>Thanh Nam                                                                                                                        |
| 13.14      | Công ty cổ phần Thuốc Thú<br>y Cai Lậy<br>Cai Lay Veterinary<br>Medicine Joint Stock<br>Company              |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Ông Nam là Thành viên<br>HDQT<br>Mr. Nam is a member of<br>the Board of Directors.                                                                          |
| 13.15      | Công ty cổ phần Dịch vụ-<br>Thương Mại Giấy Việt<br>Viet Paper Trading and<br>Service Joint Stock<br>Company |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Ông Nam là Thành viên<br>HDQT<br>Mr. Nam is a member of<br>the Board of Directors.                                                                          |
| 13.16      | Công ty Cổ phần Cảng Tân<br>Cảng Hiệp Phước<br>Tan Cang Hiep Phuoc Port<br>Joint Stock Company               |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Ông Nam đã từ nhiệm<br>Thành viên HDQT kể từ<br>ngày 30/06/2026<br>Mr. Nam resigned as a<br>member of the Board of<br>Directors effective June 30,<br>2026. |
| 14         | Phạm Thị Kim Ngân                                                                                            |                                                                                    | Phó Tổng Giám<br>đốc<br>Deputy General<br>Director                     |                                                                                                   |                           |                           |                            | 325.650                                                                                   | 0,03%                                                                                                   | Bổ nhiệm Phó TGD từ<br>01/10/2025<br>Appointed Deputy<br>General Director from<br>October 01, 2025                                                          |
| 14.1       | Hoàng Thanh Tuấn                                                                                             |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chồng bà Phạm Thị Kim<br>Ngân<br>Husband of Mrs. Pham Thi<br>Kim Ngan                                                                                       |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name  | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                          |
|------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
|            |                 |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                          |
| 14.2       | Hoàng Hà Chi    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con bà Phạm Thị Kim Ngân<br>Daughter of Mrs. Phạm Thị Kim Ngân           |
| 14.3       | Hoàng Hà An     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con bà Phạm Thị Kim Ngân<br>Daughter of Mrs. Phạm Thị Kim Ngân           |
| 14.4       | Phạm Trường Thọ |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố đẻ bà Phạm Thị Kim Ngân<br>Father of Mrs. Phạm Thị Kim Ngân           |
| 14.5       | Bùi Thị Chính   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ đẻ bà Phạm Thị Kim Ngân<br>Mother of Mrs. Phạm Thị Kim Ngân           |
| 14.6       | Phạm Anh Ngân   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em bà Phạm Thị Kim Ngân<br>Brother of Mrs. Phạm Thị Kim Ngân             |
| 14.7       | Hoàng Thị Loan  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em dâu bà Phạm Thị Kim Ngân<br>Sister-in-law of Mrs. Phạm Thị Kim Ngân   |
| 14.8       | Hoàng Kim Tiến  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố chồng bà Phạm Thị Kim Ngân<br>Father-in-law of Mrs. Phạm Thị Kim Ngân |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name                                                                                              | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                                                                  |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                                             |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                                                                                  |
| 14.9       | Phùng Thị Bích Huệ                                                                                          |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ chồng bà Phạm Thị Kim Ngân<br>Mother-in-law Mrs. Pham Thi Kim Ngan                                                            |
| 14.10      | Công đoàn cơ sở thành viên<br>Công ty CP Chứng khoán<br>MB<br>Union of MB Securities<br>Joint Stock Company |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            | 419.009                                                                                   | 0,04%                                                                                                   | Bà Phạm Thị Kim Ngân là<br>Chủ tịch<br>Mrs. Pham Thi Kim Ngan<br>is the Chairwoman,                                              |
| 15         | Lê Văn Tuấn                                                                                                 |                                                                                    | TV Ban Điều<br>hành<br>Board of<br>Management<br>Member                |                                                                                                   |                           |                           |                            | 1.049.149                                                                                 | 0,10%                                                                                                   | Giao nhiệm vụ TV BDH<br>từ 02/01/2019<br>Assigned to the position of<br>Member of Board of<br>Management from January<br>2, 2019 |
| 15.1       | Hoàng Thị Thùy Dương                                                                                        |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Vợ ông Lê Văn Tuấn<br>Mr. Le Van Tuan's wife                                                                                     |
| 15.2       | Lê Hoàng Tuấn Minh                                                                                          |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con ông Lê Văn Tuấn<br>Son of Le Van Tuan                                                                                        |
| 15.3       | Lê Hoàng Minh Anh                                                                                           |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con ông Lê Văn Tuấn<br>Daughter of Le Van Tuan                                                                                   |
| 15.4       | Lê Văn Liên                                                                                                 |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố đẻ ông Lê Văn Tuấn<br>Father of Mr. Le Van Tuan                                                                               |
| 15.5       | Bùi Thị Bộ                                                                                                  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ đẻ ông Lê Văn Tuấn<br>Mother of Mr. Le Van Tuan                                                                               |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name   | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                                                                   |
|------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                  |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                                                                                   |
| 15.6       | Lê Văn Tân       |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh trai ông Lê Văn Tuấn<br>Mr. Le Van Tuan's brother                                                                             |
| 15.7       | Lê Văn Tấn       |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em trai ông Lê Văn Tuấn<br>Mr. Le Van Tuan's younger<br>brother                                                                   |
| 15.8       | Nguyễn Thị Thảo  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị dâu ông Lê Văn Tuấn<br>Sister-in-law of Mr. Le Van<br>Tuan                                                                    |
| 15.9       | Hoàng Văn Long   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố vợ ông Lê Văn Tuấn<br>Father-in-law of Mr. Le<br>Van Tuan                                                                      |
| 15.10      | Trần Thị Thái    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ vợ ông Lê Văn Tuấn<br>Mother in law of Mr. Le<br>Van Tuan                                                                      |
| 16         | Nguyễn Văn Học   |                                                                                    | Kế toán trưởng<br>Chief Accountant                                     |                                                                                                   |                           |                           |                            | 135.050                                                                                   | 0,01%                                                                                                   | Giao nhiệm vụ Kế toán<br>trưởng từ ngày<br>10/10/2017<br>Assigned to the position of<br>Chief Accountant from<br>October 10, 2017 |
| 16.1       | Bùi Kim Thoa     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Vợ ông Nguyễn Văn Học<br>Mr. Nguyen Van Hoc's wife                                                                                |
| 16.2       | Nguyễn Diệu Linh |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con gái ông Nguyễn Văn<br>Học<br>Daughter of Mr. Nguyen<br>Van Hoc                                                                |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name      | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                           |
|------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|            |                     |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                           |
| 16.3       | Nguyễn Khánh Hân    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con gái ông Nguyễn Văn<br>Học<br>Daughter of Mr. Nguyen<br>Van Hoc        |
| 16.4       | Nguyễn Văn Diệu     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh trai ông Nguyễn Văn<br>Học<br>Mr. Nguyen Van Hoc's<br>brother         |
| 16.5       | Nguyễn Xuân Trường  |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh trai ông Nguyễn Văn<br>Học<br>Mr. Nguyen Van Hoc's<br>brother         |
| 16.6       | Nguyễn Văn Thang    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh trai ông Nguyễn Văn<br>Học<br>Mr. Nguyen Van Hoc's<br>brother         |
| 16.7       | Nguyễn Thị Nền      |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị gái ông Nguyễn Văn<br>Học<br>Mr. Nguyen Van Hoc's<br>sister           |
| 16.8       | Nguyễn Thị Mến      |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị gái ông Nguyễn Văn<br>Học<br>Mr. Nguyen Van Hoc's<br>sister           |
| 16.9       | Bùi Thị Thanh Huyền |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị dượng ông Nguyễn Văn<br>Học<br>Sister-in-law of Mr.<br>Nguyen Van Hoc |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name       | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any)         | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                                                                            |
|------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                      |                                                                                    |                                                                                | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                                                                                            |
| 16.10      | Tô Thị Nơ            |                                                                                    |                                                                                |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị dâu ông Nguyễn Văn Học<br>Sister-in-law of Mr.<br>Nguyen Van Hoc                                                                       |
| 16.11      | Nguyễn Văn Sắc       |                                                                                    |                                                                                |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh rể ông Nguyễn Văn Học<br>Mr. Nguyen Van Hoc's<br>brother-in-law                                                                        |
| 16.12      | Bùi Thị Toàn         |                                                                                    |                                                                                |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị dâu ông Nguyễn Văn Học<br>Sister-in-law of Mr.<br>Nguyen Van Hoc                                                                       |
| 16.13      | Tô Văn Phúc          |                                                                                    |                                                                                |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh rể ông Nguyễn Văn Học<br>Mr. Nguyen Van Hoc's<br>brother-in-law                                                                        |
| 16.14      | Nguyễn Thị Lập       |                                                                                    |                                                                                |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ vợ ông Nguyễn Văn Học<br>Mother-in-law of Mr.<br>Nguyen Van Hoc                                                                         |
| 17         | Trần Thị Thanh Huyền |                                                                                    | Trưởng Phòng<br>Kiểm toán nội<br>bộ<br>Head of Internal<br>Audit<br>Department |                                                                                                   |                           |                           |                            | 365.350                                                                                   | 0,04%                                                                                                   | Giao nhiệm vụ Trưởng<br>phòng KTNB từ<br>17/04/2017<br>Assigned the task of Head<br>of Internal Audit<br>Department from April 17,<br>2017 |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name    | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                     |
|------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                   |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                                     |
| 17.1       | Hoàng Thị Yến     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ đẻ bà Trần Thị Thanh<br>Huyền<br>Mother of Mrs. Tran Thi<br>Thanh Huyen          |
| 17.2       | Bùi Thanh Thủy    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            | 37.534                                                                                    | 0,00%                                                                                                   | Chồng bà Trần Thị Thanh<br>Huyền<br>Husband of Mrs. Tran Thi<br>Thanh Huyen         |
| 17.3       | Bùi Huyền Nhi     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con gái bà Trần Thị Thanh<br>Huyền<br>Daughter of Mrs. Tran Thi<br>Thanh Huyen      |
| 17.4       | Bùi Văn Hà        |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con gái bà Trần Thị Thanh<br>Huyền<br>Daughter of Mrs. Tran Thi<br>Thanh Huyen      |
| 17.5       | Trần Thị Thu Hiền |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị gái bà Trần Thị Thanh<br>Huyền<br>Sister of Mrs. Tran Thi<br>Thanh Huyen        |
| 17.6       | Đào Văn Hạnh      |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh rể bà Trần Thị Thanh<br>Huyền<br>Brother-in-law of Mrs.<br>Tran Thi Thanh Huyen |
| 17.7       | Trần Cao Khang    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em trai bà Trần Thị Thanh<br>Huyền<br>Brother of Mrs. Tran Thi<br>Thanh Huyen       |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name    | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                      |
|------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                   |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                                      |
| 17.8       | Bùi Thị Minh Hằng |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em dâu bà Trần Thị Thanh<br>Huyền<br>Sister-in-law of Mrs. Tran<br>Thi Thanh Huyen   |
| 17.9       | Bùi Văn Vân       |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố chồng bà Trần Thị<br>Thanh Huyền<br>Father-in-law of Mrs. Tran<br>Thi Thanh Huyen |
| 17.10      | Trần Thị Diễm     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ chồng bà Trần Thị<br>Thanh Huyền<br>Mother-in-law Mrs. Tran<br>Thi Thanh Huyen    |
| 18         | Đỗ Thị Thúy Nga   |                                                                                    | Chuyên viên<br>Kiểm toán nội<br>bộ<br>Internal Auditor                 |                                                                                                   |                           |                           |                            | 18.150                                                                                    | 0,00%                                                                                                   | Là CV KTNB từ<br>27/8/2018<br>Internal Auditor from<br>August 27, 2018               |
| 18.1       | Đỗ Đình Tinh      |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố đẻ bà Đỗ Thị Thủy Nga<br>Father of Mrs. Do Thi Thuy<br>Nga                        |
| 18.2       | Ninh Thị Mơ       |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ đẻ bà Đỗ Thị Thúy Nga<br>Mother of Mrs. Do Thi<br>Thuy Nga                        |
| 18.3       | Đỗ Khánh Linh     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em gái bà Đỗ Thị Thúy<br>Nga<br>Sister of Ms. Do Thi Thuy<br>Nga                     |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name   | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any)   | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                            |
|------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|            |                  |                                                                                    |                                                                          | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                            |
| 18.4       | Luyện Ngọc Hùng  |                                                                                    |                                                                          |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Em rể bà Đỗ Thị Thúy Nga<br>Brother-in-law of Mrs. Do<br>Thi Thuy Nga      |
| 18.5       | Nguyễn Hữu Quyền |                                                                                    |                                                                          |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chồng bà Đỗ Thị Thúy<br>Nga<br>Husband of Mrs. Do Thi<br>Thuy Nga          |
| 18.6       | Nguyễn Gia Kế    |                                                                                    |                                                                          |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố chồng bà Đỗ Thị Thúy<br>Nga<br>Father-in-law of Mrs. Do<br>Thi Thuy Nga |
| 18.7       | Trần Thị Năm     |                                                                                    |                                                                          |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ chồng bà Đỗ Thị Thúy<br>Nga<br>Mother-in-law of Mrs. Do<br>Thi Thuy Nga |
| 19         | Mai Thị Sen      |                                                                                    | Chuyên viên cao<br>cấp Kiểm toán<br>nội bộ<br>Senior Internal<br>Auditor |                                                                                                   |                           |                           |                            | 27.150                                                                                    | 0,00%                                                                                                   | Là CV KTNB từ 2/1/2019<br>Senior Internal Auditor<br>from 2/1/2019         |
| 19.1       | Mai Văn Tân      |                                                                                    |                                                                          |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố đẻ bà Mai Thị Sen<br>Father of Mrs. Mai Thi Sen                         |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name   | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                              |
|------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
|            |                  |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                              |
| 19.2       | Mỹ Thị Phương    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ đẻ bà Mai Thị Sen<br>Mother of Mrs. Mai Thi Sen           |
| 19.3       | Mai Văn Dũng     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh trai bà Mai Thị Sen<br>Brother of Mrs. Mai Thi Sen       |
| 19.4       | Nguyễn Thị Quỳnh |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị dâu bà Mai Thị Sen<br>Sister-in-law of Mrs. Mai Thi Sen  |
| 19.5       | Mai Thị Nhung    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị gái bà Mai Thị Sen<br>Sister of Mrs. Mai Thi Sen         |
| 19.6       | Bùi Quang Thái   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh rể bà Mai Thị Sen<br>Brother-in-law of Mrs. Mai Thi Sen  |
| 19.7       | Lê Văn Phú       |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chồng bà Mai Thị Sen<br>Husband of Mrs. Mai Thi Sen          |
| 19.8       | Lê Văn Cừ        |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố chồng bà Mai Thị Sen<br>Father-in-law of Mrs. Mai Thi Sen |
| 19.9       | Nguyễn Thị Thi   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ chồng bà Mai Thị Sen<br>Mother-in-law Mrs. Mai Thi Sen    |
| 19.10      | Lê Khánh Vy      |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Con gái bà Mai Thị Sen<br>(mới sinh 17/06/2025)              |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name     | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                               |
|------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
|            |                    |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                               |
|            |                    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Daughter of Mrs. Mai Thi Sen (born June 17, 2025)                             |
| 20         | Vũ Thị Thanh Huyền |                                                                                    | CV Phòng<br>KTNB<br>Internal Auditor                                   |                                                                                                   |                           |                           |                            | 16.650                                                                                    | 0,00%                                                                                                   | Là CV KTNB từ<br>27/07/2021<br>Internal Auditor from July<br>27, 2021         |
| 20.1       | Vũ Đình Khai       |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Bố đẻ bà Vũ Thị Thanh<br>Huyền<br>Father of Mrs. Vu Thi<br>Thanh Huyen        |
| 20.2       | Lã Thị Quyên       |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ đẻ bà Vũ Thị Thanh<br>Huyền<br>Mother of Mrs. Vu Thi<br>Thanh Huyen        |
| 20.3       | Nguyễn Thị Phin    |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Mẹ chồng bà Vũ Thị Thanh<br>Huyền<br>Mother-in-law Mrs. Vu Thi<br>Thanh Huyen |
| 20.4       | Nguyễn Văn Thắng   |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chồng bà Vũ Thị Thanh<br>Huyền<br>Husband of Mrs. Vu Thi<br>Thanh Huyen       |
| 20.5       | Vũ Thị Xuân        |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị gái bà Vũ Thị Thanh<br>Huyền<br>Sister of Mrs. Vu Thi Thanh<br>Huyen      |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name                                                     | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport No., date of issue, place of<br>issue |                           |                           | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ<br>(%)<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                    |                                                                                    |                                                                        | Số CMND/ Hộ<br>chiếu<br>ID card<br>No./Passport<br>No.                                            | Ngày cấp<br>date of issue | Nơi cấp<br>place of issue |                            |                                                                                           |                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 20.6       | Phạm Quang Lực                                                     |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh rể bà Vũ Thị Thanh<br>Huyền<br>Brother-in-law of Mrs. Vu<br>Thi Thanh Huyen                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 20.7       | Vũ Quốc Huy                                                        |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Anh trai bà Vũ Thị Thanh<br>Huyền<br>Brother of Mrs. Vu Thi<br>Thanh Huyen                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 20.8       | Đào Thị Giang                                                      |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            |                                                                                           |                                                                                                         | Chị dâu bà Vũ Thị Thanh<br>Huyền<br>Sister-in-law of Mrs. Vu<br>Thi Thanh Huyen                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 21         | Ngân hàng TMCP Quân đội<br>Military Commercial Joint<br>Stock Bank |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                   |                           |                           |                            | 664.658.254                                                                               | 66,40%                                                                                                  | Ngân hàng TMCP Quân<br>đội là người liên quan của<br>những người nội bộ sau của<br>Công ty: Người quản lý<br>Công ty, Người đại diện<br>theo pháp luật Công ty /<br>Military Commercial Joint<br>Stock Bank is a related<br>party of the following<br>internal persons: the<br>Company's managers and<br>the Company's legal<br>representatives. |

**PHỤ LỤC IV - GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY**  
**APPENDIX IV – TRANSACTIONS OF INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS WITH SHARES OF THE COMPANY**

| STT<br>No. | Người thực hiện giao dịch<br>Transaction executor               | Quan hệ với người nội bộ<br>Relationship with internal person | Số CP sở hữu đầu kỳ<br>Number of shares owned at the beginning of the period |                         | Số CP sở hữu cuối kỳ<br>Number of shares owned at the end of the period |                         | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)<br>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)                                                                                                                                                                                                                           |
|------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                 |                                                               | Số cổ phiếu<br>Number of shares                                              | Tỷ lệ (%)<br>Percentage | Số cổ phiếu<br>Number of shares                                         | Tỷ lệ (%)<br>Percentage |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 1          | Ngân hàng TMCP Quân đội<br>Military Commercial Joint Stock Bank | Công ty mẹ<br>Parent Company                                  | 439.766.963                                                                  | 66,76%                  | 664.658.254                                                             | 66,40%                  | Thực hiện quyền mua trong đợt chào bán thêm cổ phiếu năm 2026 và thực hiện mua cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết trong đợt chào bán năm 2026.<br>Receive stock dividends, exercise right to purchase shares in the 2026 additional share offering, and purchase the remaining shares not yet distributed in the 2026 offering.                                  |
| 2          | Phan Phương Anh                                                 |                                                               | 0                                                                            | 0%                      | 792.441                                                                 | 0,08%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP program in 2025, exercise right to purchase shares in the 2026 additional share offering, received New Year's gifts in the form of MBS shares. |
| 3          | Lê Viết Hải                                                     |                                                               | 1.101.317                                                                    | 0,17%                   | 2.507.125                                                               | 0,25%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP program in 2025, exercise right to purchase shares in the 2026 additional share offering, received New Year's gifts in the form of MBS shares. |
| 4          | Nguyễn Minh Hằng                                                |                                                               | 587.881                                                                      | 0,09%                   | 1.181.971                                                               | 0,12%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP program in 2025, exercise right to purchase shares in the 2026 additional share offering, received New Year's gifts in the form of MBS shares. |
| 5          | Lê Nam                                                          | Em rể bà Nguyễn Minh Hằng – TV.HĐQT                           | 82                                                                           | 0%                      | 123                                                                     | 0%                      | Thực hiện quyền mua trong đợt chào bán thêm cổ phiếu năm 2026                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| STT<br>No. | Người thực hiện giao dịch<br>Transaction executor | Quan hệ với người nội<br>bộ<br>Relationship with<br>internal person | Số CP sở hữu đầu kỳ<br>Number of shares owned at the beginning<br>of the period |                         | Số CP sở hữu cuối kỳ<br>Number of shares owned at the end of the<br>period |                         | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi,<br>thưởng...)<br>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling,<br>converting, rewarding, etc.)                                                                                                                                                                                                                                       |
|------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                   |                                                                     | Số cổ phiếu<br>Number of shares                                                 | Tỷ lệ (%)<br>Percentage | Số cổ phiếu<br>Number of shares                                            | Tỷ lệ (%)<br>Percentage |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|            |                                                   | Brother-in-law of Mrs.<br>Nguyen Minh Hang –<br>Member of BODs      |                                                                                 |                         |                                                                            |                         | Exercise right to purchase shares in the 2026<br>additional share offering, received New Year's gifts<br>in the form of MBS shares.                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 6          | Hoàng Hà                                          |                                                                     | 0                                                                               | 0%                      | 144.000                                                                    | 0,01%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình<br>ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt<br>chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi<br>bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP<br>program in 2025, exercise right to purchase shares<br>in the 2026 additional share offering, received New<br>Year's gifts in the form of MBS shares. |
| 7          | Phạm Xuân Thanh                                   |                                                                     | 0                                                                               | 0%                      | 300.150                                                                    | 0,03%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình<br>ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt<br>chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi<br>bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP<br>program in 2025, exercise right to purchase shares<br>in the 2026 additional share offering, received New<br>Year's gifts in the form of MBS shares. |
| 8          | Phạm Thế Anh                                      |                                                                     | 0                                                                               | 0%                      | 163.650                                                                    | 0,02%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình<br>ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt<br>chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi<br>bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP<br>program in 2025, exercise right to purchase shares<br>in the 2026 additional share offering, received New<br>Year's gifts in the form of MBS shares. |
| 9          | Phạm Thị Hoa                                      |                                                                     | 204                                                                             | 0%                      | 172.956                                                                    | 0,02%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình<br>ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt<br>chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi<br>bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP<br>program in 2025, exercise right to purchase shares<br>in the 2026 additional share offering, received New<br>Year's gifts in the form of MBS shares. |
| 10         | Vũ Thị Hương                                      |                                                                     | 101.093                                                                         | 0,02%                   | 232.789                                                                    | 0,02%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình<br>ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| STT<br>No. | Người thực hiện giao dịch<br>Transaction executor | Quan hệ với người nội<br>bộ<br>Relationship with<br>internal person | Số CP sở hữu đầu kỳ<br>Number of shares owned at the beginning<br>of the period |                         | Số CP sở hữu cuối kỳ<br>Number of shares owned at the end of the<br>period |                         | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi,<br>thưởng...)<br>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling,<br>converting, rewarding, etc.)                                                                                                                                                                                                                                       |
|------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                   |                                                                     | Số cổ phiếu<br>Number of shares                                                 | Tỷ lệ (%)<br>Percentage | Số cổ phiếu<br>Number of shares                                            | Tỷ lệ (%)<br>Percentage |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|            |                                                   |                                                                     |                                                                                 |                         |                                                                            |                         | chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi<br>bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP<br>program in 2025, exercise right to purchase shares<br>in the 2026 additional share offering, received New<br>Year's gifts in the form of MBS shares.                                                                                                   |
| 11         | Lê Thu Trang                                      |                                                                     | 0                                                                               | 0%                      | 147.150                                                                    | 0,01%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình<br>ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt<br>chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi<br>bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP<br>program in 2025, exercise right to purchase shares<br>in the 2026 additional share offering, received New<br>Year's gifts in the form of MBS shares. |
| 12         | Phùng Thị Thanh Hà                                |                                                                     | 12                                                                              | 0%                      | 316.818                                                                    | 0,03%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình<br>ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt<br>chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi<br>bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP<br>program in 2025, exercise right to purchase shares<br>in the 2026 additional share offering, received New<br>Year's gifts in the form of MBS shares. |
| 13         | Lê Thành Nam                                      |                                                                     | 268.221                                                                         | 0,04%                   | 631.981                                                                    | 0,06%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình<br>ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt<br>chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi<br>bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP<br>program in 2025, exercise right to purchase shares<br>in the 2026 additional share offering, received New<br>Year's gifts in the form of MBS shares. |
| 14         | Phạm Thị Kim Ngân                                 |                                                                     | 0                                                                               | 0%                      | 325.650                                                                    | 0,03%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình<br>ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt<br>chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi<br>bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP<br>program in 2025, exercise right to purchase shares                                                                                                   |

| STT<br>No. | Người thực hiện giao dịch<br>Transaction executor | Quan hệ với người nội<br>bộ<br>Relationship with<br>internal person                                          | Số CP sở hữu đầu kỳ<br>Number of shares owned at the beginning<br>of the period |                         | Số CP sở hữu cuối kỳ<br>Number of shares owned at the end of the<br>period |                         | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi,<br>thưởng...)<br>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling,<br>converting, rewarding, etc.)                                                                                                                                                                                                                     |
|------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                   |                                                                                                              | Số cổ phiếu<br>Number of shares                                                 | Tỷ lệ (%)<br>Percentage | Số cổ phiếu<br>Number of shares                                            | Tỷ lệ (%)<br>Percentage |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|            |                                                   |                                                                                                              |                                                                                 |                         |                                                                            |                         | in the 2026 additional share offering, received New Year's gifts in the form of MBS shares.                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 15         | Lê Văn Tuấn                                       |                                                                                                              | 535.307                                                                         | 0,08%                   | 1.049.149                                                                  | 0,10%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP program in 2025, exercise right to purchase shares in the 2026 additional share offering, received New Year's gifts in the form of MBS shares. |
| 16         | Nguyễn Văn Học                                    |                                                                                                              | 0                                                                               | 0%                      | 135.050                                                                    | 0,01%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP program in 2025, exercise right to purchase shares in the 2026 additional share offering, received New Year's gifts in the form of MBS shares. |
| 17         | Trần Thị Thanh Huyền                              |                                                                                                              | 158.212                                                                         | 0,02%                   | 365.350                                                                    | 0,04%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP program in 2025, exercise right to purchase shares in the 2026 additional share offering, received New Year's gifts in the form of MBS shares. |
| 18         | Bùi Thanh Thủy                                    | Chồng bà Trần Thị Thanh Huyền<br>Husband of Mrs. Tran Thi Thanh Huyen –<br>Head of Internal Audit Department | 25.023                                                                          | 0,0025%                 | 37.534                                                                     | 0,0037%                 | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP program in 2025, exercise right to purchase shares in the 2026 additional share offering, received New Year's gifts in the form of MBS shares. |
| 19         | Đỗ Thị Thủy Nga                                   |                                                                                                              | 0                                                                               | 0                       | 18.150                                                                     | 0,00%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt                                                                                                                                                                                                                                                                       |

| STT<br>No. | Người thực hiện giao dịch<br>Transaction executor                                                           | Quan hệ với người nội<br>bộ<br>Relationship with<br>internal person                                                   | Số CP sở hữu đầu kỳ<br>Number of shares owned at the beginning<br>of the period |                         | Số CP sở hữu cuối kỳ<br>Number of shares owned at the end of the<br>period |                         | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi,<br>thưởng...)<br>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling,<br>converting, rewarding, etc.)                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                                             |                                                                                                                       | Số cổ phiếu<br>Number of shares                                                 | Tỷ lệ (%)<br>Percentage | Số cổ phiếu<br>Number of shares                                            | Tỷ lệ (%)<br>Percentage |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|            |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                 |                         |                                                                            |                         | chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi<br>bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP<br>program in 2025, exercise right to purchase shares<br>in the 2026 additional share offering, received New<br>Year's gifts in the form of MBS shares.                                                                                                                            |
| 20         | Mai Thị Sen                                                                                                 |                                                                                                                       | 0                                                                               | 0                       | 27.150                                                                     | 0,00%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình<br>ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt<br>chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi<br>bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP<br>program in 2025, exercise right to purchase shares<br>in the 2026 additional share offering, received New<br>Year's gifts in the form of MBS shares.                          |
| 21         | Vũ Thị Thanh Huyền                                                                                          |                                                                                                                       | 0                                                                               | 0                       | 16.650                                                                     | 0,00%                   | Thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình<br>ESOP năm 2025, thực hiện quyền mua trong đợt<br>chào bán thêm cổ phiếu năm 2026, nhận mừng tuổi<br>bằng cổ phiếu MBS.<br>Exercise right to purchase shares under the ESOP<br>program in 2025, exercise right to purchase shares<br>in the 2026 additional share offering, received New<br>Year's gifts in the form of MBS shares.                          |
| 22         | Công đoàn cơ sở Thành<br>viên Công ty CP Chứng<br>khoán MB<br>Union of MB Securities<br>Joint Stock Company | Tổ chức mà Bà Phạm<br>Thị Kim Ngân là Chủ<br>tịch<br>Organisation that Mrs.<br>Pham Thi Kim Ngan is<br>the Chairwoman | 265.673                                                                         | 0,04                    | 419.009                                                                    | 0,04%                   | Thực hiện quyền mua trong đợt chào bán thêm cổ<br>phiếu năm 2026, thực hiện mua lại cổ phiếu ESOP<br>thu hồi của người lao động nghỉ việc trong 06 tháng<br>đầu năm 2026.<br>Receive stock dividends, exercise right to purchase<br>shares in the 2026 additional share offering.<br>Implement the repurchase of ESOP shares<br>recovered from employees who have left the<br>company in first half of 2026. |